

Chương XXI
Sự Phát Triển Tinh Thần Quốc Gia Mới :
KHUYNH HƯỚNG GIẢI PHÓNG ĐẤT NƯỚC BẰNG VŨ LỰC

Cuối năm 1928, khi Pasquier trở lại Đông Dương làm Toàn Quyền—với tâm nguyện thiết lập một thuộc địa kinh tế mạnh và sung túc, dưới sự cai trị với bàn tay sắt, qua các phương tiện an ninh, cảnh sát, quân đội và cộng sự viên bản xứ—không khí bất trắc phảng phất khắp Á Châu. Nhật Bản và Nga đang nỗ lực tự biến thành cường quốc, qua chính sách bành trướng ảnh hưởng ở Trung Hoa và Đông Á. Từ thập niên 1920, Nhật cũng đã có ý định trở thành một cường quốc biển, học tập kinh nghiệm Mỹ và Bri-tên, hiện đại hóa quân đội, đặc biệt là Hải quân.

Tại Trung Hoa, từ 1927 tới 1929, Tưởng Giới Thạch thiết lập được một chế độ quân phiệt, chống “Cộng.” Quân đội Trung Hoa Dân Quốc ngày một mạnh hơn, vừa Bắc phạt, hạn chế quyền hành các quân phiệt, vừa bẻ gãy âm mưu nổi loạn của Đảng Cộng Sản Trung Hoa. Từ Đại Hội V Đảng CSTH ở Hán Khẩu ngày 27/4/1927, với 80 đại biểu, Trần Độc Tú (1879-1942) đã bị gián tiếp chỉ trích là quá nể vì THQĐĐ và quân phiệt đang chịu ảnh hưởng các nước tư bản, thực dân như Mỹ, Bri-tên hay Nhật. Sau Đại Hội VI Đảng CSTH tổ chức trên đất Nga, tháng 11/1928 Độc Tú bị khai trừ khỏi đảng vì “hữu khuynh thời cơ [Rightist opportunists].” Khuynh hướng chú trọng vào nông thôn bắt đầu có tiếng vang, khi Mao Nhuận Chi (1893-1976) công bố báo cáo về kinh nghiệm tổ chức nông dân tại Hồ Nam [Hunan] qua chuyến đi từ 4/1 tới 5/2/1927, để trả lời chỉ trích của cả hai phe « hữu khuynh thời cơ » Trần Độc Tú và “tả khuynh” thuộc nhóm Lý Đại Chiêu (1889-1927). (1)

1. Mao Tse-tung, *Report on An Investigation of the Peasant Movement in Hunan* (Peiking: 1967), dịch từ bản chữ Hán in trong Tuyển Tập năm 1952, tập I. Trong phân dân nhập, Ban Biên tập năm 1967 gọi Trần Độc Tú là bọn “hữu khuynh thời cơ [Rightist opportunists]” đã đào ngũ phong trào cách mạng nông thôn vì sợ hãi khuynh hướng phản động [reactionary.trend] trong Quốc Dân Đảng [p iii]. Thạch bị kết tội là “phản cách mạng [counter-revolutionary]” từ ngày 12/4/1927.[p 49n6]. Trong *Lịch sử Trung Quốc*, (1999) Võ Mai Bạch Tuyết chấp nhận công thức xếp hạng này.

Dẫu vậy, Nhuận Chi vẫn được bầu vào Ban Chấp Hành Trung Ương sau những cuộc vũ trang nổi dậy và phong trào nông hội ở Hồ Nam. Bị Thạch liên tiếp vây đánh, Nhuận Chi và 5,000 quân rút lên Tỉnh Cương Sơn [Ching kangshan] (Giang Tây) lập căn cứ. Tháng 4/1928, Chu Đức [Zhu De (1886-1976)] đưa thêm 1,000 cán bộ từ Vũ Xương [Nanxiang] tới Tỉnh Cương Sơn, được biết như Quân Đoàn 4. Mặc dù bị quân Thạch áp lực, năm 1928 Bành Đức Hoài [Peng Dehuai (1898-1974)] cũng lập nên Quân Đoàn số 5. Qua năm 1930, Đảng CSTH đã tạo được một căn cứ trung ương và các chiến khu ở các vùng lân cận. Hồng quân cũng sống sót được trước những chiến dịch tấn công dồn dập của Thạch trong hai năm 1930-1931.

Giữa thời gian này, Nhật mở rộng ảnh hưởng vào Mãn Châu [Manchuria], quê tổ của nhà Đại Thanh, nhưng dân Hán tộc đã trở thành đa số. Ngày 18/9/1931, quân Nhật ở Đông Bắc đánh chiếm Thẩm Dương. Ngày 29/1/1932, Nhật đánh Thương Hải. Tháng 12/1931, Thạch bị ép từ chức, nhưng nhờ Nhật giúp đỡ, trở lại nắm binh quyền. Qua những chiến dịch bao vây và tĩa diệt, hàng triệu quân THDQ khiến khoảng 100,000 quân Cộng Sản phải vừa đánh vừa chạy lên Tuấn Nghĩa, Quý Châu, hoàn thành cuộc Trường Chinh từ Giang Tây, Phúc Kiến, qua Quảng Đông, Hồ Nam, Quảng Tây, rồi Diên An [Yenan]. (2)

2. Meisner, *Mao's China* (1977), pp 31-33.

Cuộc chiến tranh không tuyên chiến ở Trung Hoa là một cơ hội bằng vàng cho nền kinh tế Đông Dương, cùng các nước khác như Mỹ, Bri-tên và Nhật. Tổng số vốn đầu tư của Mỹ tăng từ 285 triệu MK năm 1930 lên 340 triệu MK, năm 1936 (gia tăng 60%); Nhật từ 1,411 triệu MK năm 1930 lên 2,096 triệu MK. (tăng 70%). Năm 1936 này, các cường quốc đầu tư vào Trung Hoa tới 4,285 triệu MK, giúp bốn đại gia Tưởng [Giới Thạch], Tống [Tử Văn], Khổng [Tuông Hy], và Trần [Lập Phu, Quả Phu] lũng đoạn kinh tế Trung Hoa.

Ngoài những mặt hàng xuất cảng qua Trung Hoa và Nhật—đặc biệt là gạo và than đá—Pháp còn đầu tư vào việc xây đường sắt tới Hoa Nam. Riêng đường xe lửa Hải Phòng-Vân Nam mỗi ngày thêm bận rộn trong việc chuyên chở hàng Mỹ cho chính phủ Thạch.

Tuy nhiên, Đông Dương không được yên tâm dồn vào việc phục hồi kinh tế do cuộc khủng hoảng thế giới gây nên. Từ năm 1927-1932 những cơn địa chấn chính trị, văn hóa và xã hội ngày một dọa nạt chế độ Bảo hộ. Mặc dù phải tới mùa Xuân 1945, Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng mới thực sự vươn mình tái sinh, tất cả đã khởi đi từ giai đoạn hỗn loạn, đẫm máu này.

I. TÂN VIỆT CÁCH MẠNG ĐẢNG:

Theo lý lịch tự khai của Võ Giáp (25/8/1911-4/10/2013)—người dưới bí danh Võ Nguyên Giáp (1912-2013) nổi danh chỉ thua Nguyễn Sinh Côn, tức Hồ Chí Minh—năm 1927, khi mới 16 tuổi, người hùng kháng Pháp một thời của *Đảng Lao Động Việt Nam*, hậu thân của *Đảng Cộng Sản Đông Dương* từ năm 1949-1951—đã gia nhập *Tân Việt Cách Mạng Đảng*. (3)

3. TTLTQG 3 (Hà Nội), Quốc Hội [QH], Hồ sơ [HS] 5865.

Tài liệu Pháp ghi sinh năm 1912 tại An Xá, Quảng Bình, Trung Việt (10H xxx [642]). Một tài liệu CSVN khác ghi Giáp sinh năm 1910 (ND, 11/9/1960). Tài liệu văn khố Đảng CSVN ghi sinh ngày 25/8/1911 tại thôn An Xá, nay thuộc xã Lộc Thủy, Lệ Thủy, Quảng Bình [Bình Trị Thiên]. Gia đình trung nông; bản thân trí thức.

1925-1926: Tham gia phong trào học sinh, thanh niên ở Huế. 1929: Cùng một số đồng chí thành lập *Việt Nam Cộng Sản Liên Đoàn*, sau đổi thành *Đông Dương CSLĐ [ngày 1/1/1930]*. Viết báo *Tiếng Dân*. 25/11/1930: Bị toà Thừa Thiên kết án hai năm tù. 18/11/1931: Được tạm thích, chỉ định cư trú tại quê.

1932-1937: Ra Hà Nội học và dạy học tại trường Thăng Long.

1936-1939: Một trong những lãnh tụ của *Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương*, ban nửa hợp pháp của Đảng CSDD. Biên tập viên các báo của Đảng; sáng lập báo *Le Travail [Lao Động]*. Viết các báo *Notre Voix [Tiếng nói chúng ta]*, *En Avant [Tiến lên]*, *Rassemblement [Tập hợp]*, *Đời nay*, *Tin tức*, *Thời báo*, *Cờ Giải Phóng*. Tham gia phong trào Đông Dương Đại Hội, Chủ tịch UB Báo chí Bắc Kỳ.

Kết hôn với Nguyễn Thị Quang Thái, em gái Nguyễn Thị Vịnh (Minh Khai). 5/1940: qua Trung Hoa. 6/1940: Được HCM tuyên thệ gia nhập Đảng. 10/1940: Chính thức vào Đảng (HCM tuyên thệ). 1941: Về nước kháng chiến ở vùng Cao Bắc Lạng. 1942: Phụ trách ban xung phong Nam tiến. 22/12/1944: Nhận trách nhiệm thành lập Đoàn vũ trang tuyên truyền giải phóng. 5/1945: Tư lệnh Việt Nam Giải Phóng Quân.

Trước năm 1977, thường được coi như tác giả của những chiến công lừng lẫy tại vùng biên giới Việt-Bắc (1950) hay Điện Biên Phủ (1954). Tuy nhiên, tài liệu Trung Cộng cho rằng Trần Canh và Vi Quốc Thanh cùng các cố vấn TC mới chỉ huy các chiến dịch này.

Ngày 17/2/1979, 320,000 Quân Giải Phóng Trung Hoa, có tăng pháo và Không quân yểm trợ, còn lũ lượt kéo sang phá hủy và tàn sát dân chúng sáu tỉnh biên giới, từ Lai Châu, Lào Kai, đến Lạng Sơn, Móng Cái trong cái gọi là “bài học Đặng Tiểu Bình” cho Lê Duẩn và Đảng CSVN. Những đại anh hùng tự nhận “đánh Pháp, đuổi Mỹ” đều còn sống, nhưng chỉ cúi đầu im lặng. Rồi, tới năm 1999 và 2000 cắt đất cắt biển cho Bắc Kinh, đổi hòa bình. Một thời, Bộ trưởng Ngoại Giao Nguyễn Dy Niên và trợ lý không ngừng tuyên bố rất hài lòng với các hiệp ước đã ký kết—mở đường cho Trung Nam Hải tự nhận chủ quyền 80% [90%] biển Đông cùng hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa vào năm 2009. Trong nước, áp lực của Đại sứ quán Trung Cộng khiến Đảng và chính phủ CHXHCNVN nghẹt thở. Các tùy viên văn hóa, kinh tế hay chính trị không ngớt cho lệnh bắt giữ người này, truy tố người khác vì “bài Trung Quốc.” Năm 2013, ngư dân Việt không ngừng bị bắt giữ hay thăm sát vì lệnh cấm tự áp đặt của Trung Nam Hải từ 16/5 tới 1/8/2013]. Những người còn thiết tha với tiền đồ dân Việt và nước Việt không khỏi bùi ngùi tự hỏi **Việt Nam đi về đâu?**

Mùa Thu 2013—giữa lúc Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng CSVN—họp hội nghị thứ 8 (30/9-9/9/2013), khóa XI—Võ Giáp từ trần lúc 18G48 ngày 4/10. Thọ 102 tuổi. Giáp được lễ quốc tang [ngày Chủ Nhật 13/10/2013, chôn tại Quảng Bình], như một khai quốc công thần—khác hẳn cái chết tối tăm, u uất của “Chín Vinh” Tạ Ngọc Phách (1923-2002?), tức Trung tướng Trần Độ hai thập niên trước.

Hồi ký: *Những năm tháng không thể nào quên*, Hữu Mai viết, tái bản lần thứ năm (Hà Nội: QĐND, 2001)

Chiến Đấu Trong Vòng Vây, Hữu Mai viết, tái bản lần thứ ba (Hà Nội: QĐND, 2001) [19/12/1946-1950] [chương mở đầu, 23 trang, về NAQ & VNDCCH]

Đường Tới Điện Biên Phủ, Hữu Mai viết, tái bản lần thứ hai, có bổ sung (Hà Nội: QĐND, 2001) [1950-1953]

Điện Biên Phủ, Điểm hẹn Lịch sử, Hữu Mai viết, tái bản lần thứ hai, có bổ sung (Hà Nội: QĐND, 2001) [5/1953-1954]

Tân Việt Cách Mệnh Đảng chỉ mang tên này từ tháng 7/1928. Tiền thân nó là *Phục Việt, Hưng Nam*, rồi *Việt Nam Cách Mệnh Đảng*, Ngày 25/1/1925 (Tết Ất Sửu): Ngô Đức Kế và một nhóm sinh viên các trường Cao đẳng Hà Nội họp hội nghị thành lập *Việt Nam Nghĩa Đoàn*. Một nhóm sinh viên học sinh khác cũng bí mật thành lập *Phục Việt*. Tôn Quang Phiệt được cử làm đảng trưởng. Trung có Đặng Thái Mai, Ngô Đức Trì, Nguyễn Quốc Túy, Trần Vỹ, v.. v... Bắc có Nguyễn Xuân Chử, Quang Minh, Mai Lâm (Nguyễn Đắc Lộc), Nguyễn Văn Phùng, quân y. Nam có Nguyễn Háo Đảng (em Nguyễn Háo Vĩnh). (Chữ, Hồi ký, 1996:142-43)

Mùa Hè 1925, Hội nghị tại núi Quyết, thống nhất hai nhóm *Việt Nam Nghĩa Đoàn* ở Hà Nội và *Phục Việt* của Trần Mộng Bạch, Lê Huân (Giải Huân), Nguyễn Đức Kiên (Tú Kiên), v.. v... Tháng 12/1925, ra tuyên cáo xin tha Phan Bội Châu ["Trần Văn Đức"]. Sau đó, đổi tên thành *Hưng Nam Hội* vì đã bị lộ. Tháng 7/1926, *Hưng Nam Hội* đổi thành *Việt Nam Cách Mệnh Đảng*. Thời gian này, ảnh hưởng của nhóm Thanh Niên, tức *Việt Nam Thanh Niên Cách Mệnh Đồng Chí Hội [VNTNKM/ĐCH]* ở Quảng Châu—tiền thân Đảng Cộng Sản Việt Nam [CSVN]—bành trướng tới bắc Trung Kỳ và Huế. Võ Giáp từng leo lên cây đọc vụng trộm tập sách quốc cấm, *Le procès de la colonization francaise [Bản Án Chế Độ Thuộc Địa Pháp]* của Nguyễn Ái Quốc (1894-1932, 1941-1945), tức Nguyễn Sinh Côn (1892-1969) lúc ấy hoạt động cho QTCS dưới bí danh Lý Thụy; nên đầu óc bị hôn ám vì những chiếc bánh vẽ **đại đồng**, hay một thế giới tương lai **muôn sự của chung, bình đẳng, làm tùy theo khả năng, hưởng thụ theo nhu cầu**—sản phẩm hoang tưởng của Karl Marx và trí thức khuynh tả về một xã hội nguyên thủy chưa ai từng chứng nghiệm. Trước Marx vài ngàn năm, văn gia Hán tộc lại mô tả một cách khác biệt: Khi nói về Bào Hy hay Phục Hy, Ban Cố viết: xã hội thượng cổ con người chỉ biết đến mẹ, đói thì săn thú rừng hay hái hoa quả ăn cả da lẫn lông, chưa biết nấu nướng. (4)

4. Ban Cố [Ban Gu, 32-92], *Han shu*, dẫn trong *The I Ching or Book of Changes*; trans into English by Cary F. Baynes, based on Richard Wilhem's German version (Princeton, NJ: Princeton Univ Press, 1967, 1973), Ta Chuan, Part II, p 329.

Fu Xi [Phục Hi]/Bao Xi [Bào Hi] [2852 TTL] (Thời đó, không có trật tự đạo đức hay xã hội. Con người chỉ biết đến mẹ. Khi đói đi tìm thức ăn, nhai nuốt cả da lẫn lông. Khi no vứt thức ăn thừa đi. Họ uống máu người. Phục Hi quan sát khí tượng trên trời, quan sát những việc xảy ra trên mặt đất, nói kết nam và nữ, đặt ra 5 giai đoạn biến đổi [ngũ hành: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ],

làm ra luật người, sáng chế ra tám hào [eight linear signs] dịch để làm chủ vũ trụ.

[In the beginning there was as yet no moral nor social order. Men knew their mothers only, not their fathers. When hungry they searched for foods; when satisfied they threw away the remnants. They devoured their food hide [beast skin] and hair, drank the blood, and clad themselves in skin and rushes. Then came Fu Xi and looked upward and contemplated the images in the heavens, and looked downward and contemplated the occurrences on earth. He unified man and wife, regulated the five stages of change [wuxing]; and laid down the laws of humanity. He devised the eight trigrams, in order to gain mastery of the world.”

Năm 1927, tổ chức của nhóm Trần Mộng Bạch, Đào Duy Anh, v.. v... vừa mới đổi tên thành *Việt Nam Cách Mệnh Đảng [VNCMĐ]*, sau khi Lê Duy Điểm [Điểm] đã tiếp xúc được Lý Thụy ở Quảng Châu và ngả theo Thanh Niên, trước khi về nước hoạt động. Bạch cử thêm Trần Phú (1404-1431) cùng Hoàng Văn Tùng, Tôn Quang Phiệt (1900-1972) lên Quảng Châu để bàn chuyện thống nhất. Nhưng Tùng và Phiệt không thoát qua được ranh giới, (5) trong khi Phú tới Quảng Châu—rời qua Đại Học Phương Đông [KUTV] ở Mat-sco-va.

5. Nguyễn Xuân Chử, *Hồi ký Nguyễn Xuân Chử*, Nguyễn Xuân Phác và Chính Đạo hiệu đính (Houston: Văn Hóa, 1996), tr. 142-45 [140-50].

Ngày 14/7/1928, Đào Duy Anh được cử làm Tổng Bí thư. Tôn Quang Phiệt là Bí thư Trí kỷ (Bắc). Nhân kỷ (Trung) có Đặng Thái Mai, Võ Liêm Sơn, Nguyễn Hữu Diệu, Trần Hữu Duẩn, Nguyễn Khoa Văn, Võ Giáp, v.. v.... (Anh, 1989:44).

Tuy nhiên, ảnh hưởng của những lãnh tụ cũ bị suy giảm dần vì họ phần đông đều có nghề nghiệp, địa vị, chỉ hoạt động một phần thời gian. Trong khi đó, cán bộ *VNTNKM/ĐCH* là những người hoạt động chuyên nghiệp, được QTCS huấn luyện về chính trị, tổ chức, và trợ cấp, nên giành đoạt dần cán bộ trẻ của TVCMĐ.

Tháng 12/1928, Tập trốn sang Quảng Châu, tiếp xúc Lãnh sự Nga, và năm 1929 được Lãnh sự Đại Liên [Dairen] gửi qua KUTV (24/7/1929-4/1932), dưới bí danh Cinitchkin. Ngô Đức Trì qua Pháp, rồi cũng tới Nga huấn luyện. Trần Ngọc Ranh ở KUTV từ 1929 tới 1930. Từ năm 1930, **Tập ra mặt chống đối và phê bình Nguyễn Ái Quốc là “cải lương” và “quốc gia,” đồng thời tiết lộ Cô Vải hay Fan Lan là vợ Quốc [Linov Côn].**

Tháng 7/1929, do lời khai của Tú Đoàn, Anh bị bắt ở Huế. Sau cái chết của Giải nguyên Lê Huân trong ngục Vinh, ngày 1/1/1930, *TVCMĐ* đổi tên thành **An Nam Cộng Sản Liên Đoàn** hay **Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn [CSLD]**, gồm Đặng Thái Mai, Nguyễn Khoa Văn, Võ Giáp, v.. v.. (6)

6. Đào Duy Anh, *Nhớ Nghĩ Chiều Hôm* (Hà Nội: NXB Trẻ, 1989), tr. 44; *Văn Kiện Đảng Toàn Tập [VKĐTT]*, vol I: 1924-1930, (Hà Nội: 2002), tr. 333-80, 401-5 [CSLD]; CAOM (Aix), SLOTFOM, III, Carton 48; Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism*, 1982:122.

Cuối năm 1930, Anh và vợ chưa cưới được tha. Từ đó, dạy tư tại trường *Thuận Hóa*, đi vào đường soạn từ điển Hán-Việt và tự nghiên cứu lịch sử kiểu Marxist.

Vì lập trường “Cộng Sản,” việc Đào Duy Anh rời *Tiếng Dân*, sau khi Huỳnh Thúc Kháng phải từ chức Dân biểu, sống thuần bằng nghề báo, dễ hiểu, nhất là từ khi các tân lãnh tụ CSĐĐ công khai chỉ trích *Tiếng Dân* và Huỳnh Thúc Kháng là “cải lương,” “phá hoại cách mạng.”

II. VIỆT NAM QUỐC DÂN ĐẢNG:

Đây là một trong những đảng cách mạng đầu tiên trong nội địa Việt Nam, qui tụ sự nối kết giữa giới học thức, điền chủ trung lưu và quân nhân do Pháp đào tạo, với mục đích giải phóng đất nước bằng võ lực. Chào đời vào dịp Giáng Sinh 1927, *Việt Nam Quốc Dân Đảng* [VNQDD] hoạt động được hơn hai năm thì bị Pháp khám phá và hủy diệt sau nỗ lực bị hùng đầu năm Canh Ngọ (9-10/2/1930), lưu lại một gương sáng lịch sử “không thành công thì thành nhân.” (7)

7. Ba tác phẩm Việt ngữ nói về VNQDD được biết nhiều nhất là *Nhượng Tống*, *Nguyễn Thái Học* (Hà Nội: Tân Việt, 1949); *Trần Huy Liệu*, *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam* (Hà Nội: 1958); và *Hoàng Văn Đào*, *Việt Nam Quốc Dân Đảng* (Sài Gòn: 1971). Xem thêm *Lê Tùng Sơn*, *Nhật ký một chặng đường* (Hà Nội: Văn Học, 1978). Về quan điểm thực dân Pháp, xem *Louis Marty*, *Contribution à l'histoire des mouvements politiques de l'Indochine française [Đóng góp vào lịch sử các phong trào chính trị tại Đông Dương thuộc Pháp]*, 7 tập, tập II: “*Việt Nam Quốc Dân Đảng*” ou “*le parti nationaliste annamite*” (Hà Nội: 1933-1935), tr 22, 23-4. [Sẽ dẫn: VNQDD]. Hầu hết tài liệu văn khố Pháp về giai đoạn này đã mở ra cho các nhà nghiên cứu. Xem CAOM (Aix), Indochine Nouveaux Fonds [INF], Cartons 265, 322, 323, 324; và lời khai của Nguyễn Thế Nghiệp trong CAOM (Aix), 7F 12. Về quan điểm “Cộng Sản Việt Nam,” xem “*Một Cuộc Kỷ Niệm*” (Jan 1931), in lại trong *Văn Kiện Đảng Toàn Tập [VKĐTT]*, 3:1931 (Hà Nội: CTQG, 1999), tr 227-258.

VNQDD khởi xuất từ nhóm *Nam Đồng Thư Xã* của nhóm *Phạm Tuấn Lâm*, *Phạm Tuấn Tài*, *Nhượng Tống* (Hoàng Phạm Trân), *Nguyễn Thế Nghiệp*, v.. v.—một cơ sở bán sách và xuất bản tại Hà Nội. Họ đại diện cho giai đoạn giao thời, chuyển tiếp từ lập trường trung quân qua ái quốc [cuối năm 1925, *Phạm Quỳnh* đã đưa ra khẩu hiệu: *tôn quân là ái quốc*]; từ độc tôn chủng tộc Trung Cổ qua đa nguyên chủng tộc và văn hóa hiện đại—theo kiểu mẫu quốc gia [nhà nước, *state*], quốc dân [*citizen*] và đa chủng tộc [*duominzu, multiethnics*].

Sự phát triển khác biệt này phản ánh tình trạng vương quốc Việt Nam hay Đại Nam bị thực dân Pháp chia cắt làm ba “xứ” [pays]: Cochinchine [Nam Kỳ], một thuộc địa; Trung Kỳ, xứ bảo hộ; và Bắc Kỳ (Tonkin), nửa bảo hộ, nửa thuộc địa từ 1874-1886.

Cách tổ chức mô phỏng theo *Việt Nam Kách Mệnh Thanh Niên Hội [VNKMTNH]* do Nguyễn Sinh Côn khai sinh tại Canton [Quảng Châu] vào tháng 6/1925 với nòng cốt là nhóm Tam Tâm Xã của Hồ Bá Cự, Lê Văn Phan [Phon], Phan Đài (Phạm Hồng Thái, Phạm Thành Khôi), qui tụ những thanh niên chủ trương bạo động liên hệ với phong trào Đông Du của Cường Để và Phan Bội Châu. Hai hành động đáng kể nhất của nhóm này là giết oan Phan Bá Ngọc tối 11/2/1922 theo lệnh Cường Để, và ám sát huyệt Toàn Quyền Đông Dương Martial Merlin (8/1923-4/1925) tại Sa Diện, Quảng Châu, của Phan Đài ngày 19/6/1924—nhưng ngày giỗ, theo tập quán người Việt dùng lịch ta [18/5 Giáp Tý], thay đổi mỗi năm. (Ngày giỗ đầu Phạm Hồng Thái, chẳng hạn, là Thứ Tư, 8/7/1925 [18/5 Ất Sửu], vì tháng 4 nhuận [22/5-20/6/1925]).

Theo lý thuyết, VNQDD có một Tổng bộ, ba Kỳ bộ, xuống thấp hơn là Tỉnh bộ, rồi Chi bộ (cơ sở địa phương). Tổng bộ gồm 1 Chủ tịch, 1 Phó Chủ tịch, và 8 ủy viên (tổ chức, tuyên truyền, tài chính, trinh thám, ngoại giao, binh vụ, giám sát và ám sát). Các cấp lãnh đạo từ trung ương xuống địa phương được bầu lại sáu tháng một lần. Mỗi cán bộ muốn được nhập đảng phải có hai người giới thiệu và bảo đảm, rồi qua một giai đoạn tập sự trước khi làm lễ tuyên thệ.

Chương trình hành động chia làm ba [3] giai đoạn. Giai đoạn phôi thai, tuyển mộ cán bộ và xây dựng tổ chức (tuyệt đối bí mật). Giai đoạn thứ hai, giai đoạn dự bị (bán công khai). Và, giai đoạn chót là hành động (nổi dậy đánh Pháp bằng vũ lực). Cơ quan ngôn luận là *Hồn Cách Mạng*, nhưng chỉ ra được một số. Cuối năm 1928, VNQDD có hơn 100 chi bộ, với 1,500 đảng viên, kể cả 120 người trong các cơ lính khố đỏ và Không quân của Pháp.

Về chủ thuyết, dựa theo Tam Dân Chủ Nghĩa [**San Min You [Zhu] I**] của Tôn Dật Tiên, lãnh tụ Trung Hoa Quốc Dân Đảng. Tam Dân là Dân tộc [**Min zu**], Dân quyền [**Min ch'uan**] và Dân sinh [**Min sheng**]**—**được sửa chữa năm 1924 sau khi liên minh với Liên Xô Nga, và chấp thuận cho đảng viên Cộng Sản TH gia nhập với tư cách cá nhân. Mùa Hè 1924, Phan Bội Châu và Nguyễn Hải Thần (Nguyễn Cẩm Giang) bắt chước thành lập *Việt Nam Quốc Dân Đảng* tại Quảng Châu để có trợ cấp hoạt động. Tài liệu và đảng cương không những được bí mật phổ biến vào trong nước, mà còn đăng trên *Việt Nam Hồn* của Nguyễn Thế Truyền (1898-1969) vào tháng 1/1926 tại Paris—khiến Sarraut cho lệnh tịch thu và cấm phổ biến. (7) Tuy nhiên hai tổ chức VNQDD ở Hoa Nam và trong nước là hai tổ chức biệt lập, không có liên hệ. Hơn nữa, VNQDD của Phan Bội Châu và Nguyễn Hải Thần không có đảng viên đông đảo trong nước như tổ chức của Nguyễn Thái Học và Nguyễn Khắc Nhu.

7. CAOM (Aix), Amiraux, 51519, SLOTFOM, Series III, Carton 3; CARAN (Paris), F7/13405.

Từ năm 1928, VNQDD muốn kết hợp với các tổ chức khác—nhất là VNKMTNH của Cộng Sản—nhưng không thành công trong cuộc thương thuyết tại Xiêm. Vấn đề nhờ Thanh Niên mua vũ khí cũng không tiến triển. Kế hoạch khởi nghĩa bởi thế bị hạn chế vì các đảng viên trong quân đội Pháp không dễ dàng

“lấy vũ khí Tây để giết Tây” vì các cấp chỉ huy Pháp thường khóa súng trên giá trừ trường hợp hành quân,

Những nỗ lực phát triển vào Trung và Nam cũng bị trở ngại vì [*Việt Nam*] *Cách Mạng Đảng* ở miền Trung (đổi tên thành *Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn* từ ngày 1/1/1930), và giáo phái *Cao Đài* tại miền Nam. Tại miền Bắc, chiếc nô của Đảng, mọi hoạt động không phát triển hoàn toàn tốt đẹp. Nỗ lực kinh tài theo đường lối hợp pháp (như mở khách sạn *Việt Nam* ở Hà Nội, do Lê Thành Vị quản lý) bị thất bại. Một số cán bộ đã phải kiếm tiền bằng cách trôn lột dân chúng—theo đúng tinh thần Lương Sơn Bạc hay Thủy Hử, vì nhu cầu tài chính kinh tế là con vật đen của mọi tổ chức chống chính quyền. Nhưng mối hiểm họa lớn nhất là sự xâm nhập của mật thám Pháp vào sâu các cơ sở—người chỉ huy cuộc càn quét Đảng là trung úy đặc trách quân sự. Sau này, ban ám sát đã giết cha cán bộ phản đảng trên đề báo thù, nhưng chẳng cứu vãn được tình thế.

Sau vụ ám sát **Horné Bazin**, chủ một công ty mộ phu cho các đồn điền Pháp ở Nam Kỳ và Nouvelle Calédonie ở Hà Nội ngày 9/2/1929, Mật thám Pháp mở màn một đợt khủng bố trắng, từ bắc chí nam. Sáng 17/2, Pháp lùng bắt hàng trăm đảng viên VNQDD. Chỉ có Nguyễn Thái Học và Nguyễn Khắc Như thoát nạn. Cuối tháng đó, Thống sứ Eugène L J René Robin (2/12/1925-28/2/1927, 15/5/7/8/1928, 26/12/1928-25/11/1930) lập một Hội đồng đề hình dưới quyền Jules Bride để xét xử 217 người. Ngày 2/7/1929, Bride kết án 76 trong số 78 người bị truy tố. Nguyễn Thái Học bị 20 năm khổ sai khuyết tịch. Nguyễn Thế Nghiệp (1906-1945), Chủ tịch Ban Hành Pháp từ tháng 12/1928; cũng bị án tù, nhưng được Bride phóng thích để truy tầm Nguyễn Thái Học chuộc tội.

Phần bị săn đuổi ráo riết, phần muốn tránh cảnh bị âm thầm tận diệt trong tay Pháp, tại Hội nghị Võng La, Phú Thọ, ngày Chủ Nhật, 26/1/1930 [27/12 Kỷ Tị] Nguyễn Thái Học cho lệnh tổng khởi nghĩa.

Theo dự trù, Vũ Văn Giảng (sau này đổi thành Vũ Hồng Khanh, 1907-1993) phụ trách việc nổi dậy ở Kiến An (nam Hải Phòng), tức khu vực có nhiều mỏ than và công xưởng kỹ nghệ. Nguyễn Khắc Như và Phó Đức Chính chỉ huy vùng Trung Du (Yên Bái, Hưng Hoá, Lâm Thao, và Sơn Tây).

Đích thân Nguyễn Thái Học phụ trách vùng Bắc Ninh, Đáp Cầu, Phả Lại và Hải Dương. Phần Nguyễn Thế Nghiệp—có nhiệm vụ đưa quân Vân Nam về tấn công Lào Kay (biên giới Hoa Việt, đối diện Hà Khẩu, tức Trấn Phòng. cách Hà Nội 298 cây số, bắc Yên Bái, 140 cây số), để yểm trợ cuộc nổi dậy ở Yên Bái. (Yên Bái hay Bái là một tỉnh trung du, nằm trên đường xe lửa Hải Phòng-Vân Nam, tây bắc Hà Nội 156 km. Tiếp tục đi hướng tây bắc, cây số 237 là Bảo Hà, cây số 256, biên giới cũ tỉnh Lào Cai, cây số 262 là Phố Lu (huyện lỵ Thủy Vĩ), cây số 298, tỉnh lỵ Lào Kay hay Cai. Từ Yên Bái tới tới Tuyên Quang, hướng đông 61 cây số [đường bộ]. Qua sông Hồng, có đường đi Nghĩa Lộ, Sơn La. Hiện nay, cùng với Lào Cai hợp thành tỉnh Hoàng Liên Sơn).

Ít ngày sau, khi thấy Pháp phong thanh biết được kế hoạch khởi nghĩa, Nguyễn Thái Học dời ngày khởi sự tới Thứ Bảy 15/2/1930 [27/1 Canh Ngọ]. Vì

đã điều lực lượng vào vị trí, và phần vì phương tiện liên lạc bị giới hạn, Nguyễn Khắc Như vẫn tiếp tục kế hoạch cũ.

A. Cuộc Khởi Nghĩa Yên Bái:

Khoảng 1 giờ sáng Thứ Hai 10/2/1930—tức đêm 11 rạng 12 Tết Canh Ngọ—cán bộ VNQDD trong cơ lính khổ đờ ở Yên Bái nổi lên giết chết 11 sĩ quan và hạ sĩ quan Pháp, gây thương tích cho 10 người khác. Những cán bộ từ xuôi kéo lên của Phó Đức Chính cũng chiếm được phố chợ trong đêm. Tuy nhiên, quân Pháp cố thủ được Đồn Cao. Nhờ Không quân yểm trợ, nội trong ngày 10/2, quân Pháp phản công, làm chủ được tình hình. Hầu hết cán bộ VNQDD đều bị giết hoặc bắt giữ. Phó Đức Chính chạy về Sơn Tây, nhưng cũng bị bắt ngày 15/2 tại nhà một quản binh [adjutant].

Trong đêm Chủ Nhật 9 rạng 10/2, Nguyễn Khắc Như tấn công đồn Hưng Hoá (nay là huyện Tam Nông, đông nam tỉnh Phú Thọ 22 cây số). Thất bại, Xứ Nhu kéo quân qua chiếm huyện lỵ Lâm Thao. Nhưng chỉ nội sáng ngày 10/2, quân khởi nghĩa đại bại. Xứ Nhu bị bắt rồi tự tử trong ngục tỉnh Phú Thọ (tây bắc Hà Nội 90 cây số, 62 cây số nam Yên Bái).

Tại Hà Nội, ngày 10/2, ban ám sát của VNQDD cắt đứt giầy điện tín tại vài nơi, ném 20 trái tạc đạn vào hai ty Cảnh sát, sở Hiến binh, nhà tù Hỏa Lò và tư dinh Paul Arnoux, Chánh sở Mật Thám Bắc Kỳ. Một cán bộ trung ương của VNQDD là Lương Ngọc Tấn bị một nhóm thợ gốm bắt sống tại Gia Lâm.

Nói chung, cuộc khởi nghĩa thất bại nặng. Một trong những lý do là nặng báo (*mouchards*) của Mật Thám đã gài cây sắn trong tổ chức, nên chính quyền Pháp biết trước, tăng gia phòng thủ. Ngoài ra, vào phút chót vì thiếu truyền thông, nên lệnh hoãn khởi nghĩa của Nguyễn Thái Học không được phổ biến rộng rãi. Hơn nữa, thực lực quân sự quá yếu kém. Đảng không tổ chức được một an toàn khu nào để huấn luyện cán bộ, lực lượng quân sự, hay ẩn náu lúc cần.

Chủ Nhật, 16/2/1930—bốn ngày sau khi Tri huyện Vĩnh Bảo là Hoàng Gia Mô bị bắt giữ trên đường cầu viện bằng xe hơi, rồi bị xử tử—Robin cho lệnh máy bay ném xuống làng Cổ Am 57 trái bom 10 ki-lô, xoá tên làng này, giết chết khoảng 200 người (nay thuộc Hải Phòng).⁽⁸⁾

8. Louis Ribaud, *Vietnam: La Tragédie indochinoise* (Paris: Valois, 1931), p 116.

Hàng chục thôn xóm khác ở Phú Thọ, Kiến An, Bắc Giang và Phả Lại cũng bị tàn phá hay thiêu hủy. Cuộc khủng bố chỉ tạm lắng xuống sau khi **Nguyễn Thái Học cùng vài thuộc hạ thân tín bị tuần đình bắt ngày 20/2/1930 tại xóm Cổ Vịt, Hải Dương.**

Ngày 20/2/1930 này, Phó Đức Chính cũng bị bắt tại Sơn Tây, đưa về giam ở Hỏa Lò, Hà Nội. Phó Đức Chính là một cán sự sở Tạo Tác, sau từ chức, hoạt động cách mạng. Trước ngày Yên Bái Khởi Nghĩa, Phó Đức Chính từng bị bắt, nhưng được công sứ Bride phóng thích vì thiếu bằng chứng phạm tội. Ngay sau đó, Phó Đức Chính tích cực hoạt động trong vụ ám sát thầy giáo Phạm Huy Du (cha Phạm

Thanh Dương) và nhân viên mật thám Nguyễn Văn Kính. Ngày 19/3/1930, Phó Đức Chính chết, có tin tự tử để tránh ra tòa. (9)

9. “Tay chủ động phản nghịch Yên Bái Phó Đức Chính đã tự tử trong Khám Lớn Hà Nội;” *Phụ Nữ Tân Văn* (Sài Gòn), số 45, 27/3/1930, tr 15.

Theo Lê Tùng Anh, tức Lê Tùng Sơn—tự nhận tham gia VNQDD năm 1929—Anh dự trận đánh đồn Thông (Sơn Tây) do Phó Đức Chính và Phó quản Nguyễn chỉ huy, nhưng không bị bắt. Mùa Thu 1930, Khoá Vạt cử Sơn cùng 4 cán bộ khác là Giáo Tuân (Trần Quốc Kính), Giáo Hách (Bùi Đức Minh), Vũ Tiến Lữ, học sinh trường Bưởi, và Đội Tháp, đội khổ đờ ở Phả Lại, qua Vân Nam. Nhưng khi 5 người vừa tới Hà Khẩu thì được tin nhóm Vũ Hồng Khanh đã bị bắt vì vụ ám sát Nguyễn Kim Ngữ. Cho là mình bị lừa, Đội Tháp bỏ về nước, rồi bị bắt và lên án khổ sai chung thân. Nhóm còn lại lên Côn Minh, thủ phủ Vân Nam, cải tổ lại VNQDD ở đây. Danh hiệu “Thiết Huyết” là do tên tờ báo của nhóm này (10)

10. Sơn 1978:7-11, 29. Theo Anh, Anh chỉ giữ chức liên lạc giữa hải ngoại và trong nước (Sơn 1978:29). Sau một thời gian ngắn qua Nam Ninh, năm 1933, Sơn trở lại Côn Minh, rồi cùng Giáo Hách (Bùi Đức Minh) và Đồi (Vương Thừa Vũ) vào học trường lục quân Vân Nam của Long Vân. Từ năm 1935, nhóm Giáo Tuân, Giáo Hách và Sơn ngã theo Cộng Sản, thành lập chi bộ Vân-Quý (Ibid., tr. 36-7, 43-4).

B. Dư Luận về VNQDD:

Mặc dù cuộc nổi dậy của VNQDD bị dẹp tan nhanh chóng, hành động “**không thành công thì thành nhân**” của Nguyễn Thái Học và các đồng chí được dư luận trong nước cũng như ở hải ngoại nhiệt liệt ngưỡng mộ.

Sinh viên Hà Nội bí mật lạc quyền giúp đỡ các nạn nhân. Một số báo ở Nam Kỳ như tờ *Thần Chung* và *Phụ Nữ Tân Văn [PNTV]* công khai vinh danh dũng khí của những “nhà cách mạng.” Ngày 6/3/1930, chẳng hạn, *PNTV* đăng một bài giới thiệu sự nghiệp Nguyễn Thái Học. Chẳng hiểu do lầm lẫn vô tình hay cố ý, tác giả cho vị lãnh tụ *VNQDD* xuất dương sang Quảng Châu năm [5] năm, sống bên Nguyễn Ái Quốc [tức Nguyễn Sinh Côn]. Sau đó, được Côn phong làm chỉ huy nội địa—dù thực ra, Côn đã sớm trốn khỏi Quảng Đông từ tháng 4/1927, nhờ một cán bộ Thanh Niên đang phục vụ trong ngành cảnh sát. Và, Côn chỉ sống ở Quảng Đông hơn hai năm. (11)

11. *Phụ nữ tân văn* [Women News] (Saigon), số 42 (6/3/1930) (kể cả phóng họa chân dung 13 lãnh tụ VNQDD, tr. 15-20. Xem thêm Ibid., số 40 (20/2/1930), tr. 15-16, 25; 41 (27/2/1930), tr 17-21; 43 (13/3/1930) & 44 (20/3/1930); DAF, Service de Controle et d’Assistance en France des Indigènes des Colonies Francaises [SAI], “Notice sur Nguyễn Ái Quốc (26 June 1931);” CAOM (Aix), INF, carton 326, d. 2637 [nêu lên vấn đề tình báo Bri-tên có thể phóng thích Côn để hoạt động cho Bri-tên..Trong thế chiến II, tình báo Bri-tên phóng thích và đưa tới Calcutta huấn luyện các tù nhân Cộng

Sản ở gần Madagasca như Lê Giản, Hoàng Đình Rong, Phan Bôi [Hoàng Hữu Nam], v..v..

Khi trở lại Đông Nam Á năm 1928, Côn sống ở Xiêm La và Sư Tử Thành, mãi tới đầu năm 1930 mới trở lại Hong Kong, vì đường giầy liên lạc với Tăng Tuyết Minh bị gián đoạn, thư của “chuyết huynh Thụy” bị Pinot nộp cho Mật Thám Pháp.

Nhóm Lập Hiến—qua các báo *La Tribune Indochinoise* [Diễn Đàn Đông Dương] và *Đuốc Nhà Nam* [Flambeau d’Annam]—lên án hành động bạo lực. Nhóm này tự nguyện đứng sau lưng Toàn quyền Pasquier trong việc đánh dẹp “bọn làm loạn.” Tháng 1/1930, Lê Quang Liêm tự Bảy, người từng bênh vực Nguyễn Ái Quốc ở Paris năm 1919-1920, nói với Pasquier: “Chúng tôi là những người Pháp lương thiện; tất cả chúng tôi đứng sau lưng quan lớn.” (12)

12. Thư ngày 29/1/1930, Gougal gửi Goucoch; CAOM [Aix], Affaires Politiques [AP], Carton 2431.

Tất cả những thành viên của Hội đồng Quản hạt [Conseil Colonial] Nam Kỳ tới thăm Thống Đốc Jean F Krautheimer (1929-1934) để bày tỏ sự ủng hộ của họ trong việc dẹp loạn. Nguyễn Phan Long (1889-1960) đề nghị nên sử dụng hơi ngạt và “vòi rồng” để chống biểu tình. Thực tâm nhóm Lập Hiến chống lại việc đánh bom khu vực mà Pháp mệnh danh là “ô nhiễm” [*contaminé*]. Và, mối lo ngại chính của họ là khẩu hiệu “Trí, phú, địa, hào, đào tận gốc, tróc tận ngọn” được trưng lên trong những cuộc biểu tình của CS—cùng những đợt khủng bố đỏ [*la terreur rouge*] như chìm chết cả một gia đình ba người, kể cả đứa con gái hai tuổi, của một đảng viên bị cáo buộc “phản Đảng.” (13)

13. Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism* (Ithaca, NY: Cornell Univ Press, 1982), tr :98, chú 16; Louis Marty, *Contribution à l'histoire des mouvements politiques de l'Indochine française* [Đóng góp vào lịch sử các phong trào chính trị tại Đông Dương thuộc Pháp], 7 tập, tập V: *La Terreur Rouge en Annam* [Cuộc Khủng Bố Đỏ ở An Nam] (Hà Nội: 1930-1931), tr 7-12 [Nguyễn Thanh, Trần Huân, Nguyễn Khiên Ngheo và Trần Ninh thú nhận chìm nước chết vợ chồng Bùi Cương Đình, Nguyen Thi Sen và con gái, Bùi Thị Tương, mới 2 tuổi ngày 28/1/1931].

Tại Pháp, sinh viên và thợ thuyền tổ chức hội thảo, biểu tình hay rải truyền đơn chống đàn áp và “thảm sát” (*massacre*) ở Đông Dương. Gây tiếng vang nhất là cuộc mít-tinh trước điện Elysées của hơn 100 Việt Kiều ngày 22/5/1930, đưa đến việc bắt giữ 47 người, và trục xuất 19 học sinh, sinh viên về nước ngay cuối tháng 5/1930. Trong số này có Tạ Thu Thâu (1906-1945), Huỳnh Văn Phương (1906-1945), v.. v.. cùng một số đảng viên *Việt Nam Độc Lập*, và *Đảng Marxist-Leninist Pháp*.

Năm 1930, báo chí Pháp kiều tại Đông Dương cũng nghiêm khắc chỉ trích cuộc nổi dậy của *Việt Nam Quốc Dân Đảng* là chịu ảnh hưởng của *Cộng Sản*

Trung Hoa. Tiêu biểu nhất là Henri Chavigny, bút hiệu Henri de la Chevrotière, trên *l'Impartial/Trung Lập báo* tại Sài Gòn. Là một người Pháp lai đen [Martinique], Chavigny từng bị án đào ngũ, làm chỉ điểm cho Mật Thám, sau chuyển sang nghề **cap-răng** [caporal, cai thợ]. Tờ *l'Impartial* và rồi *La Dépêche [Tin Điện]*—vốn được trợ cấp hậu hĩ của chính quyền—khoác cho VNQDD tính chất bạo động theo kiểu Cộng Sản, như có những tổ ám sát [section de sicaires] để trừng trị những thành phần phản đảng. Phương cách giải quyết hữu hiệu nhất là dùng quân đội đàn áp, và bảo vệ an ninh cho dân chúng vô tội—một lập luận quen thuộc của Mật Thám Pháp ba năm sau trong tập tài liệu về VNQDD. (14)

14. Marty, II:VNQDD, pp 23-4. Sau này, De la Chevrotière được cử vào Đại Hội Đồng Kinh Tế-Lý Tài Đông Dương, và trở thành mệnh thường quân của nhiều chính khách Việt. Ngày Thứ Hai, 15/1/1951, **bị ám sát bằng lựu đạn** ở Sài Gòn; Hiền, 2004, II:479.

Quyết định “thanh Cộng” của Tưởng Giới Thạch (JiangJieshi (1888-1975) vào tháng 4/1927, cùng chính sách Diệt Cộng của thực dân Pháp, được tăng cường với thánh lệnh ngày 31/12/1929 của Pius XI, bắt đầu phân cách tâm trí người Việt, dù đại đa số—kể cả một số trí thức tốt nghiệp tại Âu Châu hay Mỹ—chẳng hiểu “Cộng Sản” là gì. Thực ra, Cộng Sản [gongshan hay gongchan] chỉ là tiếng Hán dịch sai thuật ngữ “**Communism**” [**công hữu** hay **công sản nguyên thủy**] của nhóm cán bộ Marxist Leninist người Hoa đầu tiên như Trần Độc Tú [Chen Duxiu], Lý Đại Chiêu [Li Dazhao]. Cán bộ CS phần lớn bị mê hoặc vì những bánh vẽ như “xã hội đại đồng,” “làm tùy theo khả năng, hưởng theo nhu cầu.” Phe chống Cộng thì bị ám ảnh với những khẩu hiệu như đấu tranh giai cấp, bạo lực cách mạng, vô thần, v.. v.. Chưa chất nhất là bệnh chụp mũ, vu cáo người khác là Cộng Sản, hay phản động, phản cách mạng, lý lịch thiếu tron tru. Động lực thường chỉ do ưa ghét cá nhân hay trục lợi, phe đảng, hoặc để “bảo vệ trật tự, an ninh công cộng.” Dân biểu Justin Godart (sau khi tham quan Đông Dương năm 1937, và nhận được hàng trăm thư khiếu nại của người Việt), nhận xét rằng giới an ninh và chính quyền thực dân Pháp hay gán ép bừa bãi cho bất cứ ai có khuynh hướng chống lại ách đô hộ Pháp là Cộng Sản để có thể dễ bề buộc tội [*“En Indochine, dans les milieux officiels, on ne parle que du Communisme; la Sureté étiquette tous ceux qui ont quelque vélicité d'indépendance, quelque activité intellectuelle ou sociale, du titre de communisme;”*] (15)

15. CAOM (Aix), PA 28, carton 7; Vu Ngu Chieu, “Political and Social Change” (1984), Part I, chapt V.

Tổng lãnh sự Mỹ ở Sài Gòn, **Henry I Waterman**, có vẻ chịu ảnh hưởng Henri de La Chevrotière cùng mật thám Pháp. Trong báo cáo ngày 16/5/1930, **Waterman** cho rằng VNQDD đã nhập cảng phương pháp CS Trung Hoa và sự bạo động chỉ nhắm vào hàng ngũ quan lại tham ô người Việt hơn là người Pháp [“the influence of revolutionary ideas imported from communistic China” and believed that “the agitation was primarily directed against the graft and extortion of the Vietnamese

mandarin officials rather than the French.”] **Waterman còn trích lại đề nghị của Chavigny** là ngày nào chính quyền đưa đủ lực lượng quân sự tới các địa phương bị ô nhiễm, dân chúng sẽ giao nộp những phần tử phản loạn vì không còn lo sợ bị trả thù.” [the day we place in these provinces sufficient troops, communism will disappear rapidly because the people, no longer fearing reprisals, will themselves deliver up all the communists to the authorities.”] (16)

16. Am Consul, Saigon, to Dept of State, 16 May 1930; 851G.001B/3, & 30 July 1931; 851G.001B/19, RG 59; Ronald H Spector, *United States Army in Vietnam, Advice and Support: The Early Years, 1941-1960* (Washington, DC: CMH-USArmy, 1983), p 15. [Sẽ dẫn: Spector, *Advice and Support*]

Sử gia Mỹ Thomas E. Ennis còn sai lầm hơn. Ennis mô tả cuộc nổi dậy Yên Bái như bị gián điệp Nga Mikhail Borodin giật giây, dù Borodin (giống như Linov Côn) đã tháo chạy khỏi Canton từ tháng 4/1927 khi Tưởng Giới Thạch ra tay “thanh Cộng.” Tin Mật Thám Pháp cho biết trụ sở báo *Thanh Niên* gần tòa lãnh sự Nga, bị lục soát ba lần ngày 6/4/1927, 11-17/12/1927 và tháng 11/1928. Ngày 30/1/1929, cảnh sát Quảng Châu còn đột ngột tới khám xét nhà Hồ Bá Cự-Lê Thị Tâm ở Quảng Châu, nhưng vợ chồng Cự cùng Lê Văn Phan đã bỏ trốn qua Hong Kong. (17)

17. Thomas E. Ennis, *French Policy and Development in Indochina* (Chicago: Univ of Chicago Press, 1936), pp. 185, 190, 187; Spector, *Advice and Support*, p 15. Louis Marty, *Le “Đông Dương Cộng Sản Đảng” ou Parti Communiste Indochinois (1925-1933)* (Hà Nội: 1933), pp. 18-19.

Từ mùa Hè 1928, như đã lược nhắc, Côn hoạt động ở đông bắc Xiêm La (Thái Lan từ 1938), cư trú tại làng Ban Đông, gần Pichit, với Võ Tùng hay Lưu Khải Hồng. Sau đó, chuyển lên Ma Cao, hoạt động cho Dalburo Phương Nam của Đệ Tam Quốc Tế, chia xẻ mái ấm gia đình cách mạng với A Duy hay Lý Huệ Sương (Nguyễn Thị Vịnh), cùng vợ chồng Lê Thị Tâm-Hồ Bá Cự (đảng viên CSTH từ tháng 3/1926).

Chỉ có rất ít người như Marc T. Greene, Louis Roubaud, hay Andrée Viollis mới nhìn thấy ước muốn giải phóng dân Việt khỏi họa ngoại xâm của giới thanh niên có học, thiên về hành động, nhưng không liên hệ gì đến Cộng Sản. (18)

18 Marc T. Greene, “Shadows Over Indochina,” *Asia*, December 1930, p. 678; Louis Roubaud, *Vietnam: La tragédie indochinoise* (Paris: Valois, 1931); Andrée Viollis, *Indochine S.O.S.* (Paris: Gallimard, 1935). Roubaud mô tả khá nhiều chi tiết về cuộc khởi nghĩa Yên Bái và cá nhân “Le Grand Professeur” Nguyễn Thái Học.

Từ giữa thập niên 1930, người thay Waterman ở Sài Gòn là **Quincy Roberts mới bắt đầu** đặt vấn đề về luận cứ và thói quen vu oan, giá họa **của chính quyền thực dân Pháp, đưa ra sự thực bị che dấu bấy lâu**: Thuật ngữ Cộng Sản thường bị giới cai trị lợi dụng để che đậy hay đánh lạc hướng tinh thần quốc gia tại những xứ

bị trị, cùng biện minh cho chính sách đàn áp, hà khắc như bắt giữ phòng ngừa, tra tấn và bắt gia đình cùng thôn xã chịu trách nhiệm chung.(19)

19. Roberts to Marc T. Greene, 18/2/1935, State Dept Central file, RG 59; Am Consul, Saigon, to Dept of State, 25 May 1937; 851G.00, RG 59; Spector, *Advice and Support*, p 15.

Dẫu vậy, cho tới thập niên 1940, đa số giới ngoại giao Mỹ vẫn chưa gột rửa được loại thành kiến thiên nhiên là dân “Annamites” vốn lười biếng, không đủ khả năng hay ước muốn tự chủ. Hơn ngàn năm lịch sử chống lại chính sách thôn tính và đồng hóa của phương bắc của dân tộc Việt bị tảng lờ. (20)

20. **Leland L. Smith**, US Consul in Sai Gon, 1924: “the Annamites as a race are very lazy and not ambitious.” Am Consul, Saigon, to Dept of State, 28/8/1924, 851G.001, RG 59; và Ibid., (**Harris M. Cookingham**), to Dept of State, 27/10/1927; và 5/6/1928, RG 84; *Advice and Support*, pp 9, 11.

American observers generally saw no evidence that the annamites had either the desire or capacity for self-government; the “natives were so backward to be entrusted with western-style political rights and civil liberties. Am Consul, Saigon (Leland L. Smith) to Dept of State, 28/8/1924, RG 59; and Ibid., (**Harris M. Cookingham**), to Dept of State, 27/10/1927; and 5/6/1928, both in RG 84; *Advice and Support*, p 11.

Harris M. Cookingham (1927) suggested that the Dept of State excuse him from the requirement to submit monthly political reports because “there were almost no political developments to report.” Under Secretary of State (Nelt T Johnson) to Am Consul, Saigon (**Harris M. Cookingham**), 29/11/1927; 851G.0016, RG 59; *Advice and Support*, p 9.

Dĩ nhiên, cổ Việt không thiếu những nhân vật như ông cháu Mạc Đăng Dung chủ trương “sự đại chi lễ,” hăng say cởi bỏ những bộ y phục hay khổ vải đánh dậm thô cứng để đổi lấy lụa là, gấm vóc Trung Hoa, cắt xén đất đai tiền nhân truyền lại để đổi lấy chiếc ấn bạc An Nam đô thống sứ ti Đô thống sứ với trượng hai dây thao đeo cổ—nhưng ở những thời khoảng nguy khốn nhất vẫn xuất hiện những cấp lãnh đạo đủ khả năng phát cờ chính nghĩa dân tộc, mòn trán lông gót mưu việc đánh đuổi ngoại xâm. Bình Ngô đại cáo của Lê Lợi-Nguyễn Trãi năm 1428, hay Chiếu phân phối tù hàng binh Thanh của Nguyễn Huệ năm 1789 là những chứng từ hùng hồn nhất. Những liệt sĩ VNQDĐ là những người tiên phong cho tinh thần quốc gia mới, biến thái từ trung quân qua ái quốc, gọi hứng từ những gương tuần quốc của Đội Trịnh Văn Cấn và Lương Ngọc Quyến [Lương Lập Nham] năm 1917-1918, và đụn sôi nhiệt tình qua những cuộc tranh đấu trả tự do cho Phan Bội Châu, hay làm lễ quốc tang cho Phan Chu Trinh, Lương Văn Can trong ba năm 1925-1927. Thật đáng tiếc là năm 1945 thực dân Pháp—chưa kịp qua khỏi tình trạng óc không tha nổi mình óc sau hơn bốn năm bị Nazi chiếm đóng—vội kiêu căng, háu đói mang phi cơ, xe tăng, đại pháo vượt biển sang Đông Dương, những tưởng sẽ thêm một lần tự do chém giết và vơ vét tài nguyên về làm giàu cho mẫu

quốc. Ai ngờ hơn 150,000 tinh binh—kể cả những đơn vị huyền thoại Nhảy Dù và Lê-dương—không thể đả bại Việt Minh “trong 4 tháng” hay “vài ba năm,” mà cuối cùng đành chịu thảm bại, đưa đến sự sụp đổ của cả đế quốc Liên Hiệp Pháp. Bị thảm hơn, cả thực dân Pháp lẫn Cộng Sản Việt Nam đều thua cuộc. Chuyến đi cầu viện bí mật năm 1950 của Nguyễn Sinh Côn rồi sẽ mở ra cho Việt Nam một giai đoạn chur hầu mới Trung Nam Hải—với thứ khẩu hiệu như “kinh tế thị trường,” “định hướng xã hội chủ nghĩa,” và “tư tưởng Hồ Chí Minh;” cùng quyết tâm chống lại “diễn tiến hòa bình,” sử dụng tới đa sự hung bạo, dã man của cảnh sát, công an, cùng hệ thống công lý mà các bản án được quyết định trong các buổi họp đảng từ cấp quận, cấp tỉnh. Những phiên tòa với chính án, bồi thẩm, ủy viên Kiểm sát chỉ là một thứ kịch bản trên sân khấu.

Chỉ có nhóm Lập Hiến, qua các báo *La Tribune Indochinoise* và *Đuốc Nhà Nam*, lên án hành động bạo lực—Nhóm này tự nguyện đứng sau lưng Pasquier trong việc đánh dẹp “bọn làm loạn.”

Tháng 6/1930, Gaston Doumergue y án tử hình Nguyễn Thái Học cùng 12 đồng chí, chỉ giảm án cho 27 người khác thành chung thân khổ sai. Ngày Thứ Ba, 17/6 [21/5 Canh Ngọ], thêm 13 liệt sĩ VNQDD lên máy chém tại Yên Bái.

Ngày 6/6/1930, giữa lúc Nguyễn Thái Học chuẩn bị lên máy chém, và các cuộc biểu tình của nông dân vùng Nghệ Tĩnh, công nhân đồn điền cao su miền Nam, hay nhà máy sợi ở Nam Định, hầm mỏ ở Hòn Gai, do CSDD xúi dục diễn ra khắp nơi. Đáng chú ý nhất là những cuộc biểu tình, bãi công ở Vinh-Bến Thủy-Trường Thi trong tháng 8-9/1930. Pháp phải sử dụng cả Lê Dương và phi cơ thả bom để giải tán và trừng trị “phản loạn.”

Tại Pháp, sinh viên và thợ thuyền tổ chức hội thảo, biểu tình hay rải truyền đơn chống đàn áp và “thảm sát” (massacre) ở Đông Dương. Gây tiếng vang nhất là cuộc mít-tinh trước điện Elysées ngày 20/5/1930 của hơn 100 Việt Kiều, đưa đến việc bắt giữ 47 người, và trục xuất cấp tốc 19 học sinh, sinh viên về nước ngày 29/5/1930. Một số ký giả và nhà văn Pháp cũng lên tiếng đả kích chính sách bàn tay sắt của Toàn quyền Pasquier (Xem chẳng hạn, báo *L'Humanité* trong giai đoạn này).

Tại miền Nam, các chiến sĩ VNQDD bị xét xử chung với cán bộ VNKMTNH (Cộng Sản) từ ngày 15/7/1930. Ngày 18/7, ba [3] cán bộ VNQDD bị kết án 5 năm khổ sai, đày ra Côn Đảo (Trần Huy Liệu, Cao Hữu Tọa, và Nguyễn Phương Thảo). Sáu [6] người khác bị án từ 2 tới 4 năm, nhốt tại Hà Tiên (Nguyễn Hào [Hòa] Hiệp, v.. v..).

III. ĐỆ TAM QUỐC TẾ :

Như đã lược thuật, từ năm 1927-1928, chính quyền bảo hộ Pháp đã xuống tay đánh dẹp các phong trào chống đối, đặc biệt là Đệ Tam Quốc Tế. Năm 1927, viên chức Pháp quay mặt làm ngơ khi một toán sát thủ người Tàu bí mật tới Quảng Châu mưu sát Nguyễn Sinh Côn nhưng thất bại, hai sát thủ Tàu bị giết. (24)

24 [236]. Note No. 3149, 6 dec. 1927; CAOM (Aix), GGI, 7F 66.

Cuộc đàn áp của Pháp lên cao độ vào mùa Xuân 1929, sau vụ Lê Văn Phát cùng một nữ đồng chí tên Nhứt bị ám sát ở Tân Định (Sài Gòn) đêm 8 rạng 9/12/1928.

Đêm 8-9/12 này, Lê Văn Phát, bí danh Mỹ, Lang, bị 3 đồng chí VNTNCMĐCH giết ở số 5 đường Barbier theo lệnh Tôn Đức Thắng (1888-1980). Phát bị kết tội ve vãn Thị Nhứt. Tháng 2/1929, Thắng bị bắt. Ngô Thiêm, một trong ba sát nhân, trốn qua Hong Kong báo cáo. Tổng bộ Thanh Niên giải tán Kỳ bộ Nam Kỳ. (25)

25. CAOM (Aix), 7F 55.

Ngày 15/7/1930, Thắng bị kết án 20 năm khổ sai; đày ra Côn Đảo. Ba ngày sau, 18/7, Phạm Văn Đồng (1908-2000) [Lâm Bá Kiệt] bị toà án đại hình Sài Gòn kết án 10 năm tù và đày ra Côn Đảo. 23 người khác bị án tù. Ba thủ phạm bị tử hình, kể cả Trần Trương và Trần Văn Công bị xử chém ngày 21/5/1931.

Trong khi đó, Tổng bộ Thanh Niên ở Hong Kong cho lệnh giải tán xứ bộ Nam Kỳ.

Xứ bộ Bắc Kỳ cũng tách biệt dần khỏi nhóm Hồ Bá Cự, Lê Văn Phan. Tháng 3/1929, Ngô Gia Tự (Ngô Sĩ Quyết, 1908-1935), Trần Văn Cung (Quốc Anh, 1906-1977), Nguyễn Tuân (Kim Tôn), Trịnh Đình Cửu, Nguyễn Đức Cảnh và Dương Hạc Đỉnh (nhặng báo của Pháp) đại biểu VNKMTN miền Bắc, bí mật thành lập *Đảng Cộng Sản Đông Dương [CSDD]*.

Để chính đôn tổ chức, Hồ Bá Cự triệu tập Đại Hội thứ nhất của Thanh Niên tại Hong Kong từ ngày 1 tới 9/5/1929. Gồm 4 đại biểu Bắc Kỳ (Trần Văn Cung, Ngô Gia Tự, Dương Hạc Đỉnh, Nguyễn Tuân (Kim Tôn)), 3 Trung, 3 Nam (có Phạm Văn Đồng), 2 Xiêm, 2 Tàu. (26)

26. *VKĐTT, 1:1924-1930, 2002:134-35.*

Đại hội bị phân hoá vì Nghị Quyết Đại Hội VI QTCS. (7-9/1928)— Các đại biểu Bắc Kỳ đòi cho bằng được việc tổ chức một Đảng Cộng Sản theo tinh thần Nghị Quyết Đại Hội VI QTCS tức đấu tranh giai cấp trong mỗi quốc gia. (27)

27. Bảy năm sau, Nghị Quyết ngày 25/8/1935 của Đại Hội VII QTCS (25/7-25/8/1935) sẽ tạm ngưng đấu tranh giai cấp, trở lại với chiến lược “Mặt Trận Thống Nhất [United Front]” chống độc tài phát-xít và quân phiệt. Xem thêm diễn văn của Fan Lan Nguyễn Thị Vịnh ngày 16/8/1935 [the task of the ICP as being “to mobilize all its forces to create a broad popular front to struggle for peace”]; RC 494, 1, 379, p. 47; Diễn văn của Litvinov Doãn ngày 25/8/1935; RC 495, 201, 46; Do Quang Hung, 1999, 3:6; *LHP*, 2002:725-27; Tran Van Hung, 1999, 6:54; Idem., 2000, 5:46 [to build up a popular anti-fascist front everywhere in the world. [United Front]

Cự và Phan trục xuất đại biểu Bắc Kỳ khỏi phòng họp. Nhóm Trần Văn Cung, tức Quốc Anh, và Kim Tôn bỏ đại hội, ly khai. Hồ Bá Cự và Nguyễn Công Viễn

khai trừ những người trên. Đại diện Xiêm là Đặng Thái Thụyển và Võ Tông xin chờ quyết định của Côn, nhưng đại hội vẫn tiếp tục.

Ngày 17/6/1929, Ngô Gia Tự, Trần Văn Cung, Nguyễn Tuân (Kim Tôn), Nguyễn Đức Cảnh chính thức ra mắt *Đảng Cộng Sản Đông Dương*. Có Trịnh Đình Cửu (1906-1990), Đỗ Ngọc Du (Phiếm Chu (1907-1938), Dương Hạc Đỉnh, v.. v... . Xuất bản tờ *Búa Liềm*. Ngày 31/7/1929, ra lời kêu gọi. (28)

28. Ibid., SLOTFOM, III, c. 48; “Tuyên ngôn, ngoài bìa chỉ ghi năm 1929; *VKDĐT, I:1924-1930*, (2002), pp 208-209 [173-331]; Hoan, 1986:60.

Tháng 9/1929, cán bộ ĐCSĐD mở ảnh hưởng vào tới Sài Gòn. (29)

29. Hoang Quoc Viet [Hà Bá Cang], *Chang duong nong bong [The Burning Hot Journey]* (Hanoi: Lao dong, 1985), pp. 59-73)

Chỉ còn rất ít cán bộ Thanh Niên thoát khỏi mạng lưới Mật Thám Pháp trung thành với Tổng Bộ ở Hong Kong.

Tháng 9/1929, Châu Văn Liêm (1902-1930) từ Sài Gòn qua Hong Kong báo cáo. Rồi cùng, Lê Văn Phan và Nguyễn Thiệu (Nghĩa, 1903-1989). thành lập *An Nam Cộng Sản Đảng [Le Parti Communist d'Annam]* ở Hong Kong. Ngày 20/10/1929, *An Nam Cộng Sản Đảng* gửi thư cho QTCS. Xuất bản tờ *Cờ Đỏ*. Tháng 11/1929, **Liêm** chính thức thành lập ANCSĐ ở Khánh Hội, xuất bản tạp chí *Bôn-Xê-Vích*. Liêm làm thư ký. (30) Sau đó, cùng Thiệu tham gia Đại hội “thống nhất” do Nguyễn Sinh Côn chủ trì.

30. “Lời Thông Cáo Giải Thích Cho Đồng Chí Vì Sao Phải Tổ Chức Đảng Cộng Sản An Nam [An Nam Cộng Sản Đảng;” *VKDĐT, I:1924-1930*, 2002, pp 335-358 [333-67, 368-78, 381-99]); CAOM (Aix), SLOTFOM, III, Carton 48; Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism*, 1982:122.

Trong khi đó, tháng 7/1929, Đào Duy Anh bị bắt ở Huế. Sau cái chết của Giải nguyên Lê Văn Huân trong ngục Vinh, ngày 1/1/1930, TVCMĐ đổi tên thành **Việt Nam Cộng Sản Liên Đoàn** hay **Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn [CSLD]**, gồm Đặng Thái Mai, Nguyễn Khoa Văn, Võ Giáp, v.. v.. Đại biểu **không dự Hội nghị thống nhất**. Ngày 24/2/1930 mới xin gia nhập Đảng CSĐD. (31)

31. Đào Duy Anh, *Nhớ Nghĩ Chiều Hôm* (Hà Nội: NXB Trẻ, 1989), tr. 44; “Tuyên Đạt [của Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn, tháng 9/1929;” *VKDĐT, I:1924-1930*, 2002, tr. 333-80, 401-5; CAOM (Aix), SLOTFOM, III, Carton 48; Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism*, 1982:122. Báo cáo ngày 4/10/1929 của Hà Huy Tập về *Tân Việt Cách Mệnh Đảng; VKDĐT, I:1924-1930*, 2002:433-59]

Pasquier và cộng sự viên xuống tay triệt hạ “Cộng Sản” với niềm hăng say mới, sử dụng luật pháp An Nam đàn áp Thanh Niên. Nguyễn Hữu Bồi và thuộc hạ tại 8 tỉnh làm 126 bản án trong năm 1929, ra 13 án tử hình, 9 chung thân khổ sai, 104 án tù khác nhau. (32)

32. Note No. 3149, 6 Dec 1927; CAOM (Aix), GGI, 7F 66; Chinh Dao, *Ho Chi Minh*, vol. II, pp 85n1, 99.

Tại Nghệ An, ngày 11/10/1929, Tòa án Vinh kết án hơn 50 đoàn viên VNKMTNH. Côn (với bí danh Nguyễn Ái Quốc, Nguyễn Tất Thành, Lý Thụy, v..) bị án tử hình khiếm diện. Hồ Bá Cự cũng bị tử hình. (33 [212])

33 [212]. Ibid., GGI, Amiraux, d. 64234 [Series F03-68 cũ]; Chinh Dao, *Ho Chi Minh*, vol. II (1993), tr 99.

Tuy nhiên, ít lâu sau, tạm đình vì tất cả can phạm đều còn ở nước ngoài. (34)

34. RSA 4th quarterly report, 1929, CAOM (Aix), GGI, d. 64234.

Cuối năm 1929, án tử hình của Nguyễn Đức Cảnh và Vương Thúc Oánh được giảm còn chung thân khổ sai sau khi hai người này bị bắt. Ngày 30/6/1931, Hồ Bá Cự bị Hong Kong bắt, giao cho Pháp, án tử hình cũng được đổi thành án tù ở Ban Mê Thuột.

1. Hội Nghị Thống Nhất VNKMTN (6/1/1930)

Đối mặt mỗi hiểm nguy có thể bị tận diệt, Hồ Bá Cự phải yêu cầu ĐTQT can thiệp. Nguyễn Sinh Côn, lúc này đang công tác với Dalburo Nam ở Thượng Hải—hoạt động trong lãnh thổ Xiêm La, Malaysia, Singapore từ 1928; giúp thành lập Đảng Cộng Sản Xiêm và Malaysia—tìm cách giải quyết sự phân hóa của Thanh Niên.

Côn nhân danh Quốc Tế triệu tập đại biểu hai nhóm *Đông Dương Cộng Sản Đảng* và *An Nam Cộng Sản Đảng*.

Ngày 6/1/1930, Côn chủ tọa Hội nghị thống nhất gồm 5 đại biểu hai nhóm Thanh Niên—tức ĐDCSĐ ở miền Bắc và ANCSĐ ở miền nam. Trần Văn Cung, Trịnh Đình Cửu đại diện ĐDCSĐ. Châu Văn Liêm, Bí thư cùng Nguyễn Thiệu (tức Nghĩa) đại diện ANCSĐ.

Đại diện ĐDCSĐ yêu cầu Côn phải trình giấy ủy nhiệm của QTCS mới chịu họp. Kết quả, Thanh Niên biến thành *Đảng Cộng Sản Việt Nam [CSVN]*. Đích thân Côn soạn thảo mọi tài liệu, tức “Sách lược vắn tắt của Đảng” và “Lời kêu gọi.” (35)

35. Hồng Thất Công, “Sơ Thảo Lịch Sử Phong Trào Cộng Sản Ở Đông Dương (1933),” *VKĐTT*, 4:1932-1934 (1999), tr 401-425; Huỳnh Kim Khánh, 1982: 125-26, 182, chú 94; Chính Đạo, *Hồ Chí Minh*, I:247, II:100-2; Duiker, *Ho Chi Minh*, 2000:610n39.

Ngày 18/2/1930, Côn (Victor) báo cáo lên QTCS về hội nghị thống nhất. QTCS không chấp thuận, cử Trần Phú (Likwei, 1904-1931, KUTV, 12/2/1927-11/1929) về triệu tập Hội nghị toàn thể Ban Chấp Ủy Trung Ương [BCUTU] lần thứ 1 ngày 14/10/1930 ở Cửu Long để đổi tên thành *Đảng CSĐĐ*, với Phú làm Tổng thư ký chỉ định.

Tài liệu văn khố QTCS Nga xác định không có lệnh nào cho Nguyễn Sinh Côn biến Thanh Niên thành *Đảng Cộng Sản Việt Nam*. Từ năm 1934 tới 1936, Trưởng phòng Đông Dương Vera I. Vasilieva (hay Vassilyeva, 1900-1959), mới tìm cách cho Linov Côn được phục hồi sau cái chết giả ngày 26/6/1932, do Luật sư Frank Loseby ngụy tạo, với sự toa rập của Thống đốc Hong Kong William Peel từ ngày 19/1/1933. Trong thư ngày 29/6/1935 gửi Bộ Phương Đông, Vasilieva xác nhận Hội Thập Tự Đỏ của Comintern đã giúp Côn trong thủ tục pháp lý chống việc trục xuất khỏi Hong Kong đưa về Đông Dương. (36)

36. RC 495-201-1, p. 155; Tran Van Hung, 2000, 8:54.

Năm 1936, để giúp Côn [Linov] sửa sai và bạch hóa hồ sơ, Vassilyeva viết: “Nó [hội nghị thống nhất hai nhóm Thanh Niên] là một việc làm sáng tạo gần giống với ý định QTCS. Sau đó, tại Đông Dương, một đảng thống nhất được thiết lập” [It [the unification congress of the party] was a creative action almost in accordance with Comintern’s intention. Thereafter, in Indochina a unified communist party has been established.]. (37)

37. RC 495, Box 10a, 139a, p. 10; Kurihara, 2000, 60:29.

Những chỉ thị cho Nguyễn Sinh Côn ngày 18/10/1929—tức Hội đồng BBT Phương Đông chấp thuận cho thành lập một Ban chấp hành lâm thời Đảng CSĐĐ, dựa trên VNKMTN và Tân Việt, để triệu tập Đại hội thành lập Đảng CSĐĐ—hay chỉ thị ngày 27/10/1929, tức đồng ý cho thành lập Đảng CSĐĐ trực thuộc Đảng CS Pháp, giữ liên hệ với Đảng CSTH và India; và cần cử một đại diện QTCS, đều chỉ hiện hữu trong tâm trí Vassilieva.(38)

38. *VKĐTT, 1:1924-1930*, 2002: 368-378, 381-399, 593-612.

Lập chi bộ CS ở các nhà máy lớn. Đẩy mạnh hoạt động trong giới công nông [phát triển công tác quần chúng]. BCH/TU Lâm thời phải xuất bản một tờ báo, để công bố và giải thích những nghị quyết của QTCS; vạch mặt chủ nghĩa cải lương, tố cáo chủ nghĩa đế quốc và hành động bọn quan lại địa phương.

Phải bỏ tất cả các tên cũ sau khi thành lập BCH/TU Lâm thời. Đại hội bầu ra một Ban CH/TU thường trực.

Phải lợi cuốn Hoa kiều ở Đông Dương tham gia cách mạng quần chúng. Phải liên lạc thường xuyên với BCH/Đảng CS Pháp, và báo cáo. Đảng CSPháp phải giúp đỡ. Phải đặt quan hệ với các Đảng CSTH và CS India. (*VKĐTT, 1:1924-1930*, 2002:613-620).

Sau này, Mat-scơ-va cho lệnh Côn sửa ngày lập Đảng CSVN thành 3/2/1930. Nhưng tháng 2/1930, Phòng Đông Dương của ĐTQT đã sai Trần Phú (tức Lý Quý, 1904-1931) về Đông Dương giải quyết. Theo một nguồn tin CS, Phú được Nguyễn Thế Rục tiếp đón ở Sài Gòn, dàn xếp cho Phú ra Hải Phòng, rồi gặp Côn ở Hong Kong tháng 4/1930. Theo Hoàng Quốc Việt [Hạ Bá Cang] (1904-1992), tháng 4/1930, Cang nhận lệnh từ Sài Gòn ra Hải Phòng họp Đại Hội Thống nhất hai hệ

phái ĐDCSD và An Nam Cộng Sản Đảng [Phạm Hữu Lầu, đi đường bộ]. Gặp Trần Phú tại hội quán Hoa kiều, hẻm Bắc Ninh. “Anh phụ trách” là một người gầy yếu, mặt xanh xao, đôi mắt le lé, mặc áo vét-tông, đánh chiếc quần ta. Cho Cang biết Đại biểu quốc tế dự buổi họp thống nhất ở hải ngoại.” Sáng hôm sau, Cang bị bắt ở trụ sở ĐDCSD. Bị tra tấn đến què chân. Ngày 26/1/1931 ra tòa án Kiến An. Hơn 400 VNQDD, hơn 70 tù CS. 1931 [27 tuổi]: Đày ra Côn Đảo. (39).

39. Việt, 1985:85-87, 107-111.

Ngày 10/7/1930, Lê Hữu Cảnh bị bắt ở Hải Phòng. Cùng Nguyễn Xuân Hoàn. Ngày 7/9/1930, Hoàng Đình Gị cùng một người thắp tùng bị bắn chết. 2 nhân viên Liêm Phóng bị thương.

2. Đảng Cộng Sản Đông Dương [CSDD]

Tại Hội Nghị toàn thể thứ nhất (14-31/10/1930) ở Cửu Long, Hong Kong, Đảng CSVN của Côn bị đổi tên thành *Đảng Cộng Sản Đông Dương [ĐCSDD]*, hoặc *Đông Dương Cộng Sản Đảng [ĐDCSD]* (1930-11/11/1945).

Không khí tranh luận tại **Hội Nghị toàn thể 1** sôi nổi những chỉ trích phê bình Hội nghị thống nhất 6/1/1930, và triệt để ủng hộ chính sách Cộng Sản Quốc Gia của Nghị Quyết Đại Hội VI Comintern.

Trần Phú được chỉ định làm Tổng thư ký.

Có lẽ để nâng cao uy tín và tạo thêm sinh động, sắt thép cho Đảng của nhân công vô sản—đồng thời vì hậu quả chung của cuộc Đại khủng hoảng kinh tế từ năm 1929—Trần Phú hướng vào giới phu đồn điền cao su, thợ mỏ, cùng những nông dân bạch đình trong những cuộc bãi công, biểu tình, tranh đấu đòi cải thiện đời sống. Trong khi các đồn điền cao su miền nam giúp khai sinh những Trần Tử Bình hay Phạm Hùng (“thầy gông” Phạm Văn Thiện, theo Mai Chí Thọ), tại vùng Nghệ-Tĩnh và Quảng Ngãi, nông dân nhiều thôn xã đã nổi lên giết đuổi cơ quan hương chính, đốt sổ sách, tự làm chủ.

Côn không được mời tham dự Hội nghị toàn thể thứ 1 ở Hong Kong. Tại Hội nghị 2 ngày 12/3/1931 ở số 236 đường Richaud, Sài Gòn, Ban Chấp Ủy TW Đảng CSDD ra “Án nghị quyết” ngưng gửi báo cáo qua Côn, và sẽ đi thẳng với Bộ Phương Đông. (40)

40. *VKĐTT*, 3:1931, 1999:81-129.

Không biết lệnh trên, ngày 23/4/1931, Côn gửi thư xin *Comintern* giao nhiệm vụ khác. (41)

41. BNCLSD/TU, *Chu tịch*, tr 73.

Từ 1930 tới 1938, Nguyễn Sinh Côn không được ĐTQT giao cho công tác nào, buồn chán đến độ xin qua Espania chống quân phiệt. Mãi tới cuối tháng 9/1938, Côn mới được cho tốt nghiệp trường Lê-nin, đi gáp qua Diên An giữa lúc Stalin ra tay thanh trừng một số lãnh tụ Comintern và các tướng lĩnh Nga. Không rõ Côn được giao công tác gì; ngoài lệnh chung chung là giải quyết

mối bất hòa giữa Siniskine Tập và Litvinov Doãn, tức Lê Hồng Phong. Đáng lưu ý là năm 1943, Stalin giải tán ĐTQT. Mãi đến ngày 6/2/1950, Côn mới được trở lại Krem-li, nhờ sự bao bọc của Mao Trạch Đông [Mao Zedong], lúc này đã trở thành Chủ tịch Zhonghua Renmin Gongheguo [Nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa].

Mùa Đông 1930-1931, Côn tìm quên trong cuộc hôn nhân cách mạng thứ hai với Lý Huệ Sương, tức cô Duy Nguyễn Thị Vĩnh (1910-1941), vì vợ chồng Nguyễn Công Viên (Lâm Đức Thụ)- Lương Huệ Quân đã ra mặt chống Cộng và bộc lộ thân thể mật thám cho Tây [Pinot]; trong khi người vợ Quảng Đông Tăng Tuyết Minh (1905-1991) biệt tích.

Ngày 14/8/1928, Lý Thụy đã gửi cho Tuyết Minh một lá thư chữ Hán, nguyên văn như sau: (42)

*Cùng em chia tay,
[Dữ muội tương biệt],
Thoắt đã hơn năm;
[Chuyên thuần niên dư],
Tình sâu thương nhớ,
[Hoài niệm tình thâm],
Chẳng nói hẳn rõ.
[Bất ngôn tự hiểu].
Nhân có cơ hội,
[Từ nhân hồng tiện],
Vấn tắt viết thư,
[Dao ký thốn tiên],
Để em yên tâm,
[Tỷ muội an tâm],
Là điều anh mong.
[Thị ngã da vọng],
Xin chúc nhạc mẫu vạn phúc.
[Tịnh thỉnh nhạc mẫu vạn phúc]
.Người chồng vụng về của em.
[Chuyết huynh],
Thụy*

Tháng 5/1991, nhân dịp kỷ niệm sinh nhật thứ 101 Hồ Chí Minh, một số báo ở Việt Nam như *Quân Đội Nhân Dân* và *Tuổi Trẻ* đã trích đăng tài liệu trên. Ít ai biết ngày 14/11/1991, Tuyết Minh âm thầm chết tại Quảng Châu. Mười năm sau, Hoàng Tranh, Phó Viện trưởng Viện Khoa học Xã hội Quảng Tây, cho đăng một bài khá chi tiết về cuộc đời Tuyết Minh trên tờ *Around Southeast Asia* [Vòng quanh Đông Nam Á]. Theo Hoàng Tranh, cuộc hôn nhân được thành tựu là do vợ chồng Nguyễn [Công] Văn Viễn (Lâm Đức Thụ)-Lương Huệ Quân làm mai mối. (43)

43. CAOM (Aix), *Service de Protection du Corps Expeditionnaire [SPCE]* 367; 368, d 1116 [Mission Noel] Duiker, 2000:198-99, 247.

Côn sống với vợ chồng Hồ Bá Cự-Lê Thị Tâm (Ly Ung Thuan), và Lý Huệ Sương, tức cô Duy Nguyễn Thị Vịnh, tại 186 Tam Kaw Road, Cửu Long [Kowloon], mới từ Hải Phòng trốn ra Hong Kong. Thoạt tiên Côn giới thiệu Lý Huệ Sương như “thư ký riêng.” Ngày 12/1/1931, Hilaire Noulens của Dalburo Thượng Hải khuyên Côn phải xin phép hai tháng trước mới được cưới vợ. Một tháng sau, ngày 12/2/1931, Côn thông báo cho Dalburo Thượng Hải rằng vợ Côn đang bận rộn chuẩn bị đón Tết Tân Mùi (New Goats, 18/2/1931] và đón tiếp khách từ trong nước ra. (44 [247])

44 [247]. CAOM (Aix), SPCE 367; Duiker, 2000:198-199, 247.

Lý Huệ Sương— còn có bí danh “A Duy,” sau đổi tên thành Fan Lan, rồi Nguyễn Thị Minh Khai—là cựu đảng viên *Tân Việt* tại Vinh, đã thoát ly gia đình từ năm 16 tuổi, ra Hải Phòng, rồi sang Hong Kong. Được Côn giới thiệu làm việc cho Dalburo Thượng Hải.

Năm 1934, khi tới Mat-sco-va, “Fan Lan” Nguyễn Thị Vịnh kê khai trong tờ Lý Lịch [Ankieta] để nhập học Trường Thợ Thuyền Phương Đông rằng chồng là “Lin” (bí danh mới nhất của Côn). Trong khi đó, Cinitchkin Tập, quyền Thư ký Ban Chỉ Huy Ở Ngoài [OLC] ở Macao, cũng báo cáo rằng Vịnh (Fan Lan), đại diện Đảng CSĐD dự Đại Hội VII QTCS (1935) là “vợ Quốc.”

44. RC 495, Box 154, File 569.

Tư liệu văn khố Quốc Tế Cộng Sản này nói lên một sự thực lịch sử khó bài bác.

Trở lại với thời điểm mùa Xuân 1931, ở đỉnh cao cuộc khủng bố trắng của Pasquier trong nội địa Việt Nam, Côn được giao nhiệm vụ ngắn hạn ở Singapore và Bangkok.

Đúng thời, cơ quan tình báo của các cường quốc thực dân Âu Mỹ liên kết nhau chống lại mỗi hồng họa ở Á Châu. Chỉ trong vòng ít tháng, hầu hết những cán bộ tự nhận Cộng Sản đều sa lưới.

B. KHỦNG BỐ ĐỎ [LA TERREUR ROUGE]:

Từ tháng 2/1930, Đảng CSVN/CSĐD đã tạo nên một loạt những cuộc biểu tình, bãi công trên toàn quốc. Biến cố đầu tiên là cuộc nổi dậy của 1,500 phu đồn điền cao su Phú Riềng (Dầu Tiếng, Thủ Dầu Một, Bình Dương, hiện nay thuộc tỉnh Sông Bé) từ 4 tới 6/2/1931.

Khởi đi từ những cuộc tranh đấu đòi cải thiện đời sống từ năm 1927, cán bộ CS dưới quyền Phạm Văn Phú xúi dục dân phu giết cạp-răng, chiếm giữ đồn điền. (45)

45. Trần Tử Bình, *Phú Riềng Đỏ*. (Hà Nội: NXB Lao Động, 1971), tr 5. Về vai trò cuộc khủng hoảng kinh tế trong các biến động ở Việt Nam, xem

thêm James C Scott, *The Moral Economy of the Peasant* (New Haven, CT: Yale Univ Press, 1976); Samuel L Popkins, *The Rational Peasant: The Political Economy of the Rural Society in Vietnam*. (Berkeley, CA: The California Press, 1979), và Pierre Brocheux, “Moral Economy or Political Economy? The Peasants Are Always Rational;” *JAS*, vol XLII, No 4 (August 1983), pp 791-803.

Trần Tử Bình [Phạm Văn Phú (1909-)] Sinh năm 1909 tại Tiên Động, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Ki-tô toàn tòng. 1926: Bị đuổi khỏi trường dòng Latin Hoàng Nguyên (Bình 1971:5). 1927: Vào Nam Kỳ, làm đồn điền cao su. 1929: Bí thư Chi bộ Phú Riêng. 1930: Nổi loạn, bị đẩy ra Côn Đảo. 1/1948: Thiếu tướng. Chỉ huy trường Lục quân. 1960: Đại sứ tại Bắc Kinh.

Tiếp đến những cuộc đình công, biểu tình ở các mỏ than Hòn Gai, nhà máy ở Hải Phòng, Kiến An, Nam Định. Tiếp đến lễ Lao Động 1/5/1930, và cuộc biểu tình tháng 8-9/1940 tại Bến Thủy, Vinh, Nghệ An. Nông dân Nghệ Tĩnh cùng khoảng 1,000 công nhân nhà máy diêm [hộp quẹt] Bến Thủy nổi dậy. Người chịu trách nhiệm chính là Trần Phú hay Li Gui [Lý Quý]. (46)

46. Báo cáo ngày 24/1/1941 của Victor (bản tiếng Anh), dịch Việt ngữ trong *VKĐTT*, 3:1931 (1999), tr 24-30; “Nghệ Tĩnh Đỏ;” *Ibid.*, tr 51-54; “Khủng bố trắng ở Đông Dương;” *Ibid.*, tr 55-58..

C. KHỦNG BỐ TRẮNG:

Pasquier và thuộc hạ xuống tay đàn áp mạnh. Không chỉ sử dụng phi cơ, Lê Dương, cùng lính khố xanh, khố đỏ để thực hiện lời thề tận diệt “Communisme,” Pasquier và Khâm sứ Huế đi xa hơn những bản án tử hình khuyết tịch dành cho Nguyễn Sinh Côn và 5 đồng chí ngày 11/10/1929 tại Nghệ-Tĩnh. Tổng lý Bồi được lệnh cử một đại diện triều đình—hay Khâm lược đại thần—tại bắc An Nam [Trung Kỳ] để theo dõi việc “bình định.” Thấy Bồi mượn có phải có lệnh vua mới được cử Kinh lược, thượng thư bộ Hình Tôn Thất Đàm tình nguyện kiêm nhiệm chức này.

Địp này, Côn cũng viết một số báo cáo về cuộc khủng bố trắng của Pasquier. Một số cán bộ tốt nghiệp KUTV đã rời Má-sco-va từ tháng 7/1930—như Bourov Dương Bạch Mai, Vladimirof [Nguyễn Huy Bốn], Limin [Nguyễn Thế Thạch] Blokov [Trần Ngọc Ranh]—bị kẹt ở Singapore. Maizen [Bùi Ái] về đến Singapore thì sợ mà trốn mất. (Bố và anh đều làm Mật Thám Pháp).

Ngày 28/4/1931, BCU/TƯ Đảng CSĐĐ báo cáo lên QTCS: Bị bắt: Đại biểu từng dự ĐH V Quốc tế Công Hội Đỏ; Zao [Giao] bị bắt đêm 8/2/1931; Một xú ủy viên Nam Kỳ; Lêman và Minin [mới từ Mat-sco-va về]; Nam Kỳ và Bắc Kỳ bị bắt toàn bộ. Cục trưởng Cảnh sát và 7, 8 thuộc hạ đã lên đường qua Thượng Hải, dừng lại ở Hong Kong 7, 8 ngày qua. Reuters ngày 25/4/1931 loan tin ĐCSĐĐ đã được QTCS công nhận như một chi bộ độc lập.

Ngày 6/5/1931, Ban BT QT Công Hội Đỏ họp. Tham dự có: Trần Văn Minh, Lê Hồng Phong, Bùi Văn Thu (sinh 1906, Gia Định), Jackson Nguyễn Văn Tư

(1906, Hà Nội), Sidorof Trần Văn Mai (sinh 1906, Thái Bình), Cinitchkin Hà Huy Tập, Bacskin Bùi Văn Minh (Bùi Văn Bốn) (sinh 1902, Hải Phòng), Blinov Nguyễn Văn Tân (Nguyễn Văn Tình, sinh 1901), Kozlov Tumuây (sinh 1902, Sài Gòn), Trần Đình Long (sinh 1904, Nam Định), Gubin Nguyễn Văn Phái (sinh 1907, Sài Gòn). (47)

47. *VKĐTT*, 3:1931, 1999:139-145, 310-312.

Trong một thư gửi gửi QTCS, Côn báo cáo tiếp: Nhận được thư ngày 25/4/1931. Tổng Thư ký [Trần Phú] bị bắt đêm 19 hoặc 20/4/1931. 7 trong số 101 đảng viên CS mà cảnh sát Pháp công bố hình ảnh, danh sách đã bị bắt. Trong Ban thư ký chỉ còn một công nhân trẻ.

(Thực tế, ngày 19/4/1931, Trần Phú và Nguyễn Trọng Nhã bị bắt. 6 ủy viên của Xứ ủy Nam Kỳ (Ung Văn Khiêm, Nguyễn Văn Gi, Lê Hòa Bình, Hà Huy Giáp, Nguyễn Văn Tây—cũng bị bắt. Xứ ủy Trung Kỳ bị phá tan. Nguyễn Đức Cảnh, Lê Mão, Lê Việt Thuật bị giết; Nguyễn Phong Sắc bị bắt).

Theo tài liệu Cộng Sản, tổng số tù nhân chính trị lên tới 10,000 người. Dài theo đường xá, chợ búa, thủ cấp nạn nhân đối mặt nhau, đong đưa theo gió. Ngày 22/2/1932, Albert Sarraut tuyên bố trước Quốc Hội sẽ ân xá khoảng 3,800 tức 60% tổng số tù nhân. (48)

48. [Hà Huy Tập], Thư ngỏ gửi ông Anh Xa-rô (4/3/1933);” *VKĐTT*, 4:1932-1934 (1999), tr 393 [387-398]. Ngày 24/6/1936, trong bản thỉnh nguyện thư của dân Đông Dương gửi chính phủ Bình Dân Pháp, Nguyễn Thế Truyền đòi hỏi **triệt hồi toàn quyền René Robin (23/7/1934-8/8/1936 [13/9/1936-[14/1/1937], người đã cho lệnh ném bom san bằng làng Cổ Am, và phóng thích 16,000 phạm nhân chính trị.**

Hồng Thất Công, “Sơ Thảo Lịch Sử Phong Trào Cộng Sản Ở Đông Dương (1933);” *VKĐTT*, 4:1932-1934 (1999), tr 399-425.

Ngày 20/5/1931, BCU/TƯ Đảng CSĐD cho lệnh Xứ ủy Trung Kỳ phải sửa lại khẩu hiệu **“Thanh trừ trí phú địa hào, đào tận gốc, tróc tận ngọn.”** (49)

49. *VKĐTT*, 3:1931, 1999:157 [155-158].

Ngày 27/6/1931, Ban BT/QTCS cho lệnh Đảng CSĐD phải giành lấy vai trò lãnh đạo trong phong trào cách mạng ruộng đất và phản đế, giành độc quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản đối với nông dân và dân nghèo thành thị. [363-364] **Phải ôn-sê-vích-hóa đảng.**[371]: **kiên quyết kết nạp công nhân vào Đảng.** [373] (50)

50. *VKĐTT*, 3:1931, 1999:341-374.

Ngày 6/9/1931, Trần Phú chết “vì ho lao” tại bệnh viện. Một số cựu học viên KUTV tích cực tiếp tay Pháp trong chiến dịch khủng bố trắng 1930-1933. (51)

51. CAOM [Aix], SLOTFOM, III, c. 115.

Pháp còn liên kết với Holland và Bri-tên tìm cách truy diệt các màng lưới CS ở Đông Nam Á. Phó Giám đốc Liêm Phóng Hà Nội Néron đến Hong Kong cùng một nhóm thanh tra chỉ huy cuộc truy diệt. Nguyễn Lương Bằng, Đỗ Ngọc Du, Lê Quảng Đạt và Lý Phụng Đức bị bắt ở Thượng Hải. Nguyễn Thị Vịnh cùng Hồ Bá Cự chịu chung cảnh ngộ ngày 21/4/1931.

Ngày 6/6/1931, tới lượt Côn bị bắt ở Cửu Long, sau khi cảnh sát Bri-tên bắt được Serge Lefranc, một cán bộ CS Pháp bí danh Joseph Ducroux ở Singapore, rồi trưởng lưới Dalburo Thượng Hải, Hilaire Noulens, ngày 5/6/1931 tại Hương Cảng. “Felix” Bui Ngọc [Hai] Thieu, một cựu học viên KUTV đã nhận diện được “Sung Man Cho” [Tông Văn Sơ] là Nguyễn Ái Quốc. (52 [249])

52 [249]. CAOM (Paris), 19 PA, Carton 4, d. 62; Báo cáo ngày 9/10/1931 của Pasquier, Ibid., SLOTFOM, III, Carton 140; **RC 495, Box 201, File 35**; Sokolov, *QTCS*, tr 152-163; Chinh Dao, *Ho Chi Minh*, vol. II, tr 119-137. [British sources: Sung Man Cho’s arrest in HongKong in 1931: W 8677, 8756, 8757, 8886, 8930, 9205, 9339 & C. 300/17/, T 8635/8635/374; Deportation to An Nam (1932): W 374/374/17; Re-arrest in Hong Kong, W 2972/2972/17; Deportation from Hong Kong: T 9298/9298/388]

Hội chữ thập đỏ của QTCS thuê một luật sư Bri-tên bảo vệ cho Côn khỏi bị dẫn độ về Đông Dương. Từ tháng 6/1932 đã có tin Côn chết trong nhà tù Hong Kong vì ho lao và nghiện thuốc phiện. Ngày 26/6/1932, QTCS còn làm lễ truy điệu Côn tại KUTV. (53)

53. Nguyễn Khánh Toàn *et al*, *Avec l’Oncle Ho*, tr. 143- 144; Huỳnh Kin Khánh, 1982:179chú 5; Hà, 1980, tr 269; Thư ngày 29/6/1935, Vasilyeva gửi Bộ Phương Đông; **RC 495, Box 201, File 1, p. 155**; dẫn trong Tran Van Hung, 2000, 8:54;

Pasquier cũng kiêu hãnh tuyên bố Đảng CSĐD ngưng hiện hữu như một tổ chức phản loạn. Tuy nhiên, chiến thắng của Mật Thám, quân đội và viên chức hành chính Pháp-Nam chỉ nhất thời và phiến diện. Ngày 11/4/1931, QTCS đã thừa nhận Đảng CSĐD làm đoàn viên, trợ cấp 5,000 quan Pháp [francs] hay 1,200 MK mỗi năm. Thời điểm này, Đảng CSĐD có 2,400 đảng viên; kể cả 600 ở Nam Kỳ, không kể 200 người Hoa thuộc nhóm “Nam Kỳ-Cao Miên.” Đa số cán bộ Cộng Sản bị lọt lưới hay lẩn trốn; nhưng đây là những kinh nghiệm thực tế quý báu cho những người còn hung tâm. (54)

54. *VKĐTT*, 3:1931, 1999: 292 [292-308], 309; Báo cáo ngày 15/1/1935 của Hải An [Litvinov] gửi Comintern [tiếng Nga, 12 tr], **RC 495, Box 154, 686**; Đỗ Quang Hưng, 1999, 3:4; *Lê Hồng Phong* [LHP], (Hà Nội: 2002), tr. 685-97; UBNCLSD/TU, *50 nam*, pp. 30-41; Huỳnh Kim Khánh, 1983:125n1

Từ tháng 11/1931, Đệ Tam Quốc Tế cũng bắt đầu kế hoạch tái khai sinh Đảng CSĐD. Với những cán bộ do chính Mat-scơ-va đào tạo. Một hậu phương rộng lớn

là Hoa Nam và ba văn phòng Phương Đông tại Vladivostok, Thượng Hải và Hongkong.

Trong khi đó, ngày 28/8/1932, Hội Đồng Hoàng gia Bri-tên quyết định trục xuất Nguyễn Sinh Côn khỏi Hong Kong—nhưng Côn cũng không bị dẫn độ về Đông Dương như Pháp yêu cầu. Ngày 6/1/1933, Côn bị trục xuất qua Sư Tử Thành [Singapore]. Năm ngày sau, 11/1/1933, lại bị trục xuất khỏi nhượng địa nằm trên xích đạo này của Bri-tên.

Hạ tuần tháng 1/1933, thêm một lần Côn được phóng thích và trục xuất khỏi Hong Kong. Đến trình diện Dalburo ở Thượng Hải với bí danh Song Man Cho [Tống Văn Sơ]. Tháng 9/1933, Dalburo Thượng Hải yêu cầu Ban Phương Đông cho Côn vào học trường Lenin. Nhưng ngày 28/9, Ban Phương Đông (Abramov) thú thực không biết Tống Văn Sơ là ai, cần điều tra bổ túc. (55)

55 [254]. RC 495, Box 184, File 54, p. 106 and 36, p 175; Tran Van Hung, 2000, 8:54.

Một thời gian sau, Côn cũng về tới Mat-sco-va vào đầu năm 1934, nhưng được gửi tới Crimea dưỡng bệnh ở—có lẽ để làm việc với cơ quan An Ninh về tính hạnh. Ngày 1/10/1934, Côn được nhập học trường Lenin với bí danh Linov. Bức hình chụp vào thời điểm này cho thấy tóc Côn rụng hết hoặc cạo nhẵn—có thể là dấu hiệu Côn bị câu lưu điều tra [It raises the doubt that Con might be imprisoned for sometime]. (56)

56 [255]. RC 495, Box 184, File 54, p. 106 and File 36, pp. 175; Tran Van Hung, 2000, 8:54; Ibid., Box 201, File 1, p. 141, & Box 154, File 359, p. 226. Sokolov, *QTCS*, pp. 160-161.

Cái chết giả của Côn trên dư luận—kể cả lễ truy điệu năm 1932 ở KUTV—trên thực tế là vở kịch do vợ chồng Luật sư Frank Loseby, cùng Thống đốc Hongkong William Peel, và Hội Chữ Thập Đỏ vừa đạo diễn, vừa sản xuất cho Côn an toàn về tới Liên Xô Nga. (57 [253])

57 [253]. *New York Times*, 6 Sept 1969.

Thời điểm này, Nguyễn Thị Vịnh cũng mới tới Mat-sco-va dưới bí danh Fan Lan, đại biểu phụ nữ CSĐĐ, cùng Litvinov Doãn, và Văn Tân, đại biểu dân thiểu số, tới dự Đại Hội VII ĐTQT vào mùa Hè năm sau. Trong một tờ khai lý lịch [*Ankieta*], Fan Lan khai đã có gia đình, tên chồng là “Lin.” Tên Lin này chẳng hiểu tại sao bị xóa bỏ. Nhưng đầu năm 1939, báo *Dân Chúng* của Đảng CSĐĐ ở Sài Gòn đăng một loạt ba kỳ phóng sự về sự tàn ác của quân phiệt Nhật tại Trung Hoa của “**D. C. Lin.**” Đây chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên, hay Nguyễn Thị Minh Khai—một ủy viên thành ủy Sài Gòn/Chợ Lớn—đã âm thầm hỏi đáp cho Nguyễn Sinh Côn, lúc đó đang theo phái đoàn Diệp Kiếm Anh lưu lạc ở Hoa Nam, tìm cách bắt liên lạc với lãnh đạo trong nước? Cuối tháng 7/1939, trong báo cáo về Comintern, Côn tuyên bố thất bại trong nỗ lực bắt tay Ban Chấp Ủy Trung Ương, lập lại khẩu lệnh tiêu diệt chính trị các phần tử Trốt-kít, và bài đả kích Nhật đã

đăng trên *Le Travail* của nhóm Võ Giáp-Đặng Xuân Khu năm 1939 (dưới bút hiệu “P. C. Line.” (58)

58. *Dân Chúng* (Sài Gòn), 21, 24 & 28/1/1939; *VKDĐT*, 6: 1936-1939, 2000:484-85.

Tương nên ghi thêm, tài liệu Cộng Sản Việt Nam trước 1975 thường tránh đề cập đến đời tư Côn [Hồ]. Mãi tới năm 1976, mới có một tài liệu nhắc đến giai thoại về chuyện nhân duyên của người cầm đầu chế độ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Theo tài liệu này, nhân dịp thăm Đại đoàn Sông Lô ở Chân Mộng vào mùa Xuân 1951, khi bị một bộ đội hỏi lý do “không có vợ,” Côn (Hồ) đáp:

- “*Bác chưa lấy vợ đó chứ! Có phải là Bác không có vợ đâu!*”

Lời giải thích, dĩ nhiên, không làm hài lòng mọi người. Và, thực ra, từ năm 1945 đã có nhiều tin đồn về vợ con Hồ. Ngoài trường hợp “Chị Thuần” Đỗ Thị Lạc, tin nhiều người biết nhất là Côn có một người vợ Trung Hoa. Lá thư năm 1928 của Lý Thụy phần nào xác tín tin đồn đó. Nó cũng giúp Hồ “người” hơn, vì đạo vợ chồng hay tình yêu trai gái là lẽ thường tình. Sự vắng thiếu hình ảnh một người đàn bà trong thời gian Côn còn lưu lạc ở Âu châu—giữa tuổi thanh niên cường tráng—có lẽ chỉ vì điều kiện vật chất thiếu thốn. Bởi thế, vừa trở lại Viễn Đông, với phương vị một cán bộ Quốc Tế, Côn đã tìm ngay được một người đồng chủng, đồng văn làm bạn đời. Một mối tình Quốc Tế Cộng Sản, chồng Việt vợ Hoa. Rồi đến đám cưới cách mệnh vô sản Côn-Vịnh. Cả Hà Huy Tập và Trần Ngọc Ranh—em ruột Trần Phú, cùng quê Nghệ An, bạn đồng hành của Fan Lan tại Hong Kong năm 1932-1933—đều cả quyết Fan Lan là vợ Nguyễn Ái Quốc [Linov Côn].

3. Litvinov Lê Huy Doãn (Lê Hồng Phong, 1900 [1904]-1942):

Tại nội địa Đông Dương, sau cái chết thật của Trần Phú (6/9/1931) và cái chết giả của Nguyễn Ái Quốc (26/6/1932), Đảng CSĐD rơi vào tình trạng tiềm sinh. Đại đa số cán bộ nòng cốt đều sa lưới Mật Thám Pháp, bị giam giữ khắp nơi vì đủ thứ tội trạng, phần đông là hình tội như sát nhân, trộm cắp v.. v...

Tại miền Nam, những nỗ lực tái xây dựng hạ tầng cơ sở của Đảng CSĐD được phát động sớm hơn cả, ngay từ năm 1931.

Ngày 14/10/1931, UBCU Lâm thời Nam Kỳ xuất bản báo *Cờ Đỏ*. Thông cáo sẽ tuyên truyền chống “tên [Bộ trưởng Thuộc Địa Paul] Reynaud, tên ăn cướp và sát nhân” “sẽ đến Sài Gòn ngày 16/10/1931.” (59)

59. *VKDĐT*, 3:1931, 1999:182-183): :

Tại Trung Kỳ Hội nghị cán bộ Đảng cấp xứ tổ chức từ 22 tới -27/12/1931. Tháng 4/1932, một xứ ủy lâm thời được thành lập, với Hồ Văn Long giữ chức Bí thư. Tuy nhiên, cuộc hành quân tảo thanh của Mật Thám Pháp vào tháng 10/1932 khiến hầu hết các cán bộ bị sa lưới.

Quan trọng nhất vẫn là guồng máy tình báo Nga. Từ tháng 11/1931, Hồng Thế Công [Hà Huy Tập], phổ biến bài “Hoạt động của Đảng CSĐĐ”: đả kích bọn cơ hội chủ nghĩa. (60)

60. *VKĐTT*, 3:1931, 1999:415-427):

Tháng 11/1931, QTCS quyết định gửi về Viễn Đông một số cán bộ mới tốt nghiệp Viện Thợ Thuyền Phương Đông (KUTV) dưới sự lãnh đạo của Litvinov Doãn. Cùng đi với Doãn có một số cựu học viên KUTV như Trần Đình Long, Bourov Dương Bạch Mai, Blokoy Trần Ngọc Ranh, Cinitchkin Tập (“Năm Nhỏ”), Svan Nguyễn Văn Dật, v.. v...

Doãn quê làng Hưng Thông, Hưng Nguyên, Nghệ An, còn bí danh khác là Hải An, Chayan. Tự khai sinh năm 1900. Năm 1923, qua Xiêm La, rồi Trung Hoa. Năm 1924, gia nhập Tâm Tâm Xã. Theo học trường sĩ quan Hoàng Phố, do Phan Bội Châu tiên cử. Sau đó học trường Không Quân Quảng Đông, gia nhập Đảng CSTH năm 1926, rồi sang Mat-scơ-va học tiếp về Không quân dưới bí danh Mikhail Litvinov. Năm 1928, qua lớp huấn luyện ở Viện Thợ Thuyền Phương Đông.

Tháng 12/1931, Litvinov Doãn chính thức làm lễ mãn khóa trường Stalin. Sau đó lên đường về Hongkong, qua ngã Pháp. Thoạt tiên, Litvinov Doãn định tìm đường xâm nhập nội địa qua ngã Xiêm La. Nhưng Litvinov Doãn chỉ ở Xiêm vón vẹn 10 ngày—hành lý và tiền bạc bị mất trộm. Bởi vậy, Litvinov Doãn phải bán chiếc áo khoác lấy tiền mua vé tàu thủy ngược lên Hong Kong, tìm cách về nước theo ngã Quảng Tây-Cao Bằng-Lạng Sơn.

Thoạt tiên Litvinov Doãn hoạt động ở vùng Long Châu (Quảng Tây). Nhờ sự trợ giúp của khoảng 10 cựu học viên huấn luyện ở Nga về, ngày 23/6/1934, Litvinov Doãn, Cinitchkin Hà Huy Tập và Svan Nguyễn Văn Dật thành lập được Ban Chỉ Huy Ở Ngoài [BCHON] tại Macao. Sau đó, móc nối lại với những đảng viên đang phục vụ trong quân đội Tưởng Giới Thạch như Lê Quốc Vọng, Bùi Hải Thiệu, và đặc biệt là hai nữ cán bộ kỳ cựu, tức cô Thuận và cô Duy (Nguyễn Thị Vịnh, tức Minh Khai). Một số cán bộ ở Xiêm qua, như Hoàng Văn Hoan, Hoàng Sâm (Kỳ), Lê Mạnh Trinh v.. v... cũng lục tục tìm cách liên lạc, xin giúp việc.

Trong hai năm 1932-1933, một số cán bộ phiêu bạt sang Xiêm cũng tìm đường về nước, hay sang Hoa Nam hoạt động. Tại Nghệ Tĩnh, một số cán bộ như Giáo Lập, Trần Xu rời Xiêm năm 1932 để xây dựng hạ tầng cơ sở, dưới chiêu bài những hội tương tế hay ái hữu. Sau nhiều lần bị Mật thám Pháp phá vỡ, ngày 27/7/1935, một xứ Ủy lâm thời được thành lập ở Nghi Lộc, Nghệ An. Số đảng viên dự đoán vào khoảng 400-500 người, phần lớn là cựu tù nhân. Sau cuộc càn quét vào tháng 10/1935, kỳ bộ CS miền Trung lập được ít nhất 6 tổ ở Vinh, Nghi Lộc, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Bình Sơn, Sơn Tịnh, Tư Nghĩa và Mộ Đức vào giữa năm 1936.

Tại vùng Việt Bắc, cán bộ CS bắt đầu xâm nhập vùng Thất Khê (Lạng Sơn) từ năm 1934. Hai giới người dễ bị tuyên truyền nhất là các học sinh thiếu số lớn tuổi ở bậc tiểu học và binh sĩ, đặc biệt là những cựu binh sĩ. Lùng lẩy nhất trong nhóm

này có Hoàng Văn Nọn, người cùng Livinov Doãn (Lê Hồng Phong) qua Mat-sco-va dự Đại hội QTCS kỳ VII; Chu Văn Tấn (Nùng) và Lê Quảng Ba (Tày) cũng gia nhập đảng CSĐD vào thời gian trên. Trong hai năm kế tiếp, một số cán bộ CS chiếm căn cứ Yên Thế của Hoàng Hoa Thám, và lập được ít cơ sở bí mật gần biên giới Việt-Trung.

Trong khi đó, tại Nam Kỳ, Bourov Mai hợp tác với Nguyễn Văn Tạo tái lập xứ ủy Nam Kỳ, nhưng nhiều lần bị mật thám Pháp phá vỡ. (61)

61. Năm 2005, Trần Văn Giàu nhận xét nhóm Tạo, Mai chẳng chịu làm gì. Bởi thế, Trần Văn Giàu phải lập xứ ủy lâm thời.

Hồ Nam Trần Văn Giàu, mới tốt nghiệp KUTV về, tiếp tục gây dựng cơ sở mới, xuất bản tờ *Cờ Đỏ* và *Tạp chí Cộng Sản* làm cơ quan ngôn luận và giáo dục. Xứ ủy Nam Kỳ, với trụ sở ở Sài Gòn, được chia làm ba khu vực, Đồng Nai, Hậu Giang và Vàm Cỏ Đông. Ngoài ra, còn có một Hội Cứu tế đỏ ở vùng Hậu Giang. Đối tượng chính để kết nạp của Giàu là giới thợ thuyền. Thêm vào đó, những tù nhân được phóng thích vì miễn tố hay án tù ngắn hạn cũng lần lượt tìm lại tổ chức.

Trần Văn Giàu cũng tổ chức một Ban Chấp Ủy Trung Ương Lâm Thời. Điều này khiến Litvinov Doãn, Cinitchkin Tập và Scan Duyệt ở Ma Cao bất bình. Sau khi thành lập BCHON, Litvinov cử Svan Duyệt về Nam Kỳ điều tra, vì không rõ nhiệm vụ của Giàu.

Hai tháng sau, Svan Duyệt báo cáo đã thành lập Ban Chấp Ủy TW lâm thời, với 100 đảng viên ở Nam Kỳ và Căm Bốt, và Xứ Ủy Nam Kỳ sẽ gửi ba đại biểu dự Đại Hội I. (62)

62. Báo cáo của Hải An gửi Comintern, 15/1/1935 [tiếng Nga, 12 tr]; **RC 495, Box 154, 686**; Đỗ Quang Hưng, 1999, 3:4; *Lê Hồng Phong* [LHP], (Hà Nội: 2002), tr 694 [685-697]

IV. TẢ ĐỐI LẬP :

Từ năm 1925, cuộc tranh chấp quyền lực trong nội bộ Nga ngày một căng thẳng. Josef Stalin [tức Dzhugashvili] ngày một thăng tiến. Sau Đại Hội VI Đảng CS Nga, Stalin tìm cách loại bỏ cả Trotsky, người cầm đầu quân sự và **Zinoviev**, Bí thư *Comintern*, cùng **Kamenev**—một cựu thành viên tam đầu chế kế vị Lenin từ năm 1924.

Ngày 14/11/1927, Stalin trục xuất khỏi Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng CS Nga nhiều người, kể cả **Trotsky**, **Zinoviev**, và **Kamenev**. Trong khi đó, cuộc cách mạng thổ địa khiến nhiều cán bộ nòng cốt và hơn chục triệu người bị thanh trừng trong những năm kế tiếp.

Từ sau Đại Hội VI Đệ Tam Quốc Tế (1928), Nghị Quyết **tạm ngưng xuất cảng cách mạng vô sản, dồn mọi nỗ lực vào việc cách mạng trong nước**, đánh dấu chiến thắng của phe Stalin, trong cuộc tranh chấp kế vị Lenin tại Liên Xô Nga.

Tại Pháp, sinh viên và thợ thuyền tổ chức hội thảo, biểu tình hay rải truyền đơn chống đàn áp và “thảm sát” (massacre) ở Đông Dương. Gây tiếng vang nhất là

cuộc mít-tinh trước điện Elysées ngày 22/5/1930 của hơn 100 Việt Kiều, đưa đến việc trục xuất 19 học sinh, sinh viên về nước. Một số ký giả và nhà văn Pháp cũng lên tiếng đả kích chính sách bàn tay sắt của Toàn quyền Pasquier (Xem chẳng hạn, báo *L'Humanité* trong giai đoạn này).

Tham gia cuộc biểu tình ngày 25/10/1930 trước điện Elysées để phản đối việc đàn áp đẫm máu tại Đông Dương có Tạ Thu Thâu (1908?-1945?), Phan Văn Chánh (1906-1945), Phan Văn Hùm (1902?-1945), Trần Văn Thạch (dân tộc chủ nghĩa?), Nguyễn Văn Tạo (Stalinist), Huỳnh Văn Phương, v.. v... nhưng chỉ có 19 người bị trục xuất. (64)

64. CAOM (Aix), SLOTFOM, II, c.7.

Thâu sinh năm 1906 tại xã Tân Bình, quận Thốt Nốt, tỉnh Long Xuyên. Ngày 6/9/1927, qua Pháp, theo học ban Cử nhân Toán Đại học Paris. Gia nhập *Đảng Việt Nam Độc Lập*. Sau khi Nguyễn Thế Truyền về nước, cùng Nguyễn Văn Luận điều khiển đảng này. Ngày 3/5/1930, bị trục xuất về nước. (65)

65. SLOTFOM, III, c.59.

Phan Văn Chánh, quê Bình Trước, Biên Hoà, qua Pháp năm 1925, hoạt động chung với Trần Văn Thạch, rồi Tạ Thu Thâu (VNĐLD). Về Sài Gòn, dạy học tư. Năm 1932, cùng Huỳnh Văn Phương xuất bản một số sách dịch về chủ nghĩa Cộng Sản.

Nguyễn Văn Tạo được Đảng Marxist-Leninist Pháp bảo vệ tới năm 1931, và chỉ bị hồi hương sau khi Thomas Đặng Đình Thọ tố cáo Tạo từng bí mật qua Nga, tham dự Đại Hội VI QTCS. Thạch, Chủ tịch Hội sinh viên Aix-en Provence năm 1927, từng bị Toàn Quyền Monguillot đòi trục xuất nhưng Hội Bảo Vệ Nhân và Dân Quyền can thiệp vào ngày 31/7/1928 và 10/10/1928 (Amiraux, 51527), nhưng có chân trong Ban Chấp Hành Hội Sinh viên năm 1929, được ở lại Pháp cho tới khi đậu Cử nhân văn chương năm 1932. (Một trung những lý do là Thạch có năng khiếu về Pháp ngữ. Năm 1927, Thạch từng viết bài tiên đoán Việt Nam sẽ được độc lập năm 1955, khiến các viên chức an ninh Pháp chú ý). Phan Văn Hùm—bị án tù treo sau khi hành hung một nhân viên cảnh sát, qua Pháp năm 1929—trôn được qua Bỉ. Riêng Hồ Nam Nguyễn Ngọc Minh—tức Trần Văn Giàu—có mặt ở Đại Học Phương Đông từ tháng 5/1930.

Ngày 24/3/1933, do Nguyễn An Ninh chủ xướng, Phan Văn Chánh hợp tác với Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Thạch xuất bản báo *La Lutte [Tranh Đấu]* làm phương tiện vận động cho “Sổ Lao động” [joint slate of workers’ candidates] tham dự cuộc tranh cử Nghị Viên thành phố Sài Gòn. Tạ Thu Thâu cũng gia nhập, viết báo *La Lutte* và diễn thuyết ủng hộ Thạch-Tạo. Thạch-Tạo đắc cử, nhưng ba tháng sau bị hủy bỏ.

Thâu còn cộng tác với báo văn học *Đông Nai* của Phan Văn Hùm. Ngoài ra, dịch và xuất bản cuốn *Những nguyên lý cơ bản triết học* của NXB Politzer [Mas-cơ-va]—cơ quan tuyên truyền của Sô Viết Nga, sau này từng phát hành một số sách chống Trung Cộng.

Đám cưới tiện nghi [*“a convenience marriage”*] *La Lutte*, nói theo Marr,(66) kéo dài tới năm 1936-1937, khi phe Stalinist đã hồi phục, và Người Thép cho lệnh tiêu diệt “Trốt-Kít,” tức Đệ Tứ Cộng Sản

66. Marr, *Tradition On Trial* (1981), p 388.

Nhóm thiểu số cựu du học sinh Tây miền nam này từ từ được phe Đệ Tam Quốc Tế gọi là “Trốt Kít,” hay Đệ Tứ Cộng Sản (tức Đại Hội do Trotsky triệu tập ngày 3/9/1938 tại Paris, qui tụ 212 đại biểu thuộc 11 nước) sau khi bị trục xuất khỏi Nga, bí mật tị nạn chính trị ở Turkey, Pháp và rồi Mexico, với quyết tâm chống lại Stalin. Thuật ngữ “Trốt Kít” được Stalin khai sinh trong diễn văn ngày 3/3/1937. Ngày 20/8/1940, Trotsky bị hạ sát bằng búa tạ tại tư gia. Người Thép Stalin và cơ quan tình báo Nga KGB bị tình nghi đứng sau vụ thảm sát này. Đầu thế kỷ XXI, trên thế giới vẫn còn những vụ thảm sát tương tự, như cái chết của hai đối thủ của Putin, hay anh trai cùng cha khác mẹ của Kim Jong-un Bắc Hàn.

Trong thập niên 1930, nhóm *La Lutte*, hay *Tranh Đấu*, cũng tự xưng là Trốt-kít, cổ võ vai trò lịch sử của công nhân vô sản trong cuộc cách mạng liên tục. Từ năm 1936, phe Stalinist Việt Nam bắt đầu xa lánh những “bạn cũ” Trốt-kít, rồi cắt đứt liên lạc từ năm 1937.

Sự thay đổi thái độ của nhóm Stalinist Tạo, Mai, Trần và Giàu phần lớn do chỉ thị từ Mat-sco-va. Ngày 31/7/1939, Linov Côn từng khẳng định là từ năm 1938, trước khi về Diên An, đã nhận chỉ thị không thỏa hiệp với Trốt Kít. (67)

67. *Những chỉ thị [của QTCS] mà tôi nhớ và truyền đạt : VKĐTT, 6 :1936-1939, 2000 :507 [507-86] ; HCMTT, 1995, 3:138-39.*

Đây chỉ là một số ít thảm kịch trong cuộc tranh đua quyền lực, theo nguyên tắc bạo lực cách mạng.

Tạ Thu Thâu—bên cạnh Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh, Trần Văn Thạch—là một kinh nghiệm bi thảm của những người muốn tranh đấu hợp pháp với thực dân. Đã có nhiều nghiên cứu về Tạ Thu Thâu, nhưng cần nhiều nghiên cứu nghiêm túc hơn về nhóm *La Lutte* vượt trên những thành kiến tiên thiên như “Trốt-kít phản động.” Trần Văn Thạch, sau này tham gia Lâm Ủy Hành Chính Nam Bộ cũng bị Cộng Sản thủ tiêu, cùng nhiều trí thức yêu nước khác từ tháng 9/1945, sau khi Pháp tái chiếm Sài Gòn. Họ không những chỉ là nạn nhân của thực dân Pháp, mà còn là nạn nhân của chính phủ Hồ Chí Minh.

Nhân vật “Trốt Kít” đáng nhắc khác là Huỳnh Văn Phương thuộc một gia đình đại điền chủ, chú ruột [thứ 10, gọi lên thành Mười Một hay Một] của Huỳnh Tấn Phát. Học Chasseloup-Laubat Sài Gòn, rồi qua Pháp năm 1927, học luật ở Paris. Tham gia *Việt Nam Độc Lập Đảng* do Nguyễn Thế Truyền thành lập, với một số cán bộ của Công đoàn thuộc địa Đảng Cộng Sản Pháp. Sau khi Nguyễn Thế Truyền về nước, Tạ Thu Thâu, Huỳnh Văn Phương điều khiển *Việt Nam Độc Lập*. Phương viết báo *La Résurrection (Phục Hưng)*. Tham gia “*Tả phái đối lập*” cùng Thâu, Chánh. Ngày 30/5/1930, bị trục xuất cùng Thâu. 1933-1936, tham gia nhóm *La Lutte*. Năm 1936, ra Hà Nội tiếp tục học, tốt nghiệp luật. Cộng tác với báo *Le*

Travail. Về Sài Gòn, làm luật sư. Sau ngày 9/3/1945, lập nhóm Trí Thức, tham gia *MTQGTN* của Hồ Văn Ngà. Ngày 19/8/1945, được quyền Khâm sai Nam Bộ Ngà cử coi Mật Thám cùng với Hồ Vĩnh Ký. Nếu tin được Trần Bửu Kiếm, (68) Luật sư Phương đã phóng thích một số cán bộ CS bị Nhật giam giữ, cung cấp vũ khí cho Trần Văn Giàu, và thu nhận một số cán bộ CS vào lực lượng công an. Luật sư Phương cũng hợp tác với Lâm Ủy Hành Chính trong giai đoạn đầu, và chỉ bị thủ tiêu sau ngày liên quân Pháp-Bri-tên và tù binh Nhật đánh chiếm Sài Gòn trong dịp cuối tuần 22-23/9/1945.

68. Trần Bửu Kiếm, người Cần Thơ, hoạt động với Huỳnh Tấn Phát từ thời sinh viên, học sinh. Phó Tổng thư ký *Đảng Dân Chủ Nam Việt Nam*. 1946: TTK Ủy ban Hành chính Kháng chiến Nam bộ. 6/1949: Bí thư Xứ Bộ Nam kỳ (10H xxx [3976]). 12/1949: Phó Giám đốc Kinh tế Nam bộ (10H xxx [3990]). 9/1/1961: Chủ tịch **Hội Liên Hiệp Học Sinh, Sinh Viên Giải Phóng**. (*CMBC* 1993:402-3) 1963-1964: Tổng Thư Ký MTDT/GPMN. 1969: UV/BCH TW, Trưởng ban đối ngoại, Trưởng đoàn MTDT/GPMN ở hòa đàm Paris. Sau Nguyễn Thị Bình thay. (*CMBC* 1993:947-49)

[Vợ là Dược sĩ Phạm Thị Yên (1919-1971) chủ tiệm thuốc ở đường Cây Mai-Tổng đốc Phương. Bí thư chi bộ Liên Việt "trí thức" ở Sài Gòn. Năm 1956, Trưởng ban trí vận thành ủy. Năm 1960 bị kết án chung thân khổ sai. Tháng 2/1967, được Mỹ can thiệp phóng thích ở Kampuchea với mục đích mở liên hệ bí mật với MTST/GPMN (kế hoạch **Buttercup**). Cuối năm 1968, trở lại miền Nam, phụ trách **Liên Minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam**. (*CMBC* 1993:947-49)

Chúng ta sẽ trở lại với thảm kịch “Trốt-Kít” trong cơn goings bão da vàng 1945 ở phần sau.